Bảng 20: Phường Bảo Vinh

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Đường Nguyễn Trung Trực	Ngã ba Suối Chồn	1,39	1,39	1,39
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Đường Nguyễn Trung Trực đến Ngã ba Suối Chồn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
8	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Ngã ba Suối Chồn	Chùa Quảng Hạnh Tự	1,20	1,20	1,20
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,20	1,20	1,20
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,20	1,20	1,20
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,20	1,20	1,20

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,20	1,20	1,20
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,20	1,20	1,20
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba Suối Chồn đến Chùa Quảng Hạnh Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,20	1,20	1,20
15	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	Chùa Quảng Hạnh Tự	Hết cơ sở Thủ Mây	1,19	1,19	1,19
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Chùa Quảng Hạnh Tự đến Hết cơ sở Thủ Mây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
22	Đường Suối Chồn - Bàu	Hết cơ sở Thủ Mây	Giáp ranh xã Xuân Bắc	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Cối					
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Chồn - Bàu Cối đoạn từ Hết cơ sở Thủ Mây đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
29	Đường Nguyễn Trung Trực	Giáp ranh phường Long Khánh	Đường Suối Chồn Bàu Cối	1,34	1,34	1,34
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,34	1,34	1,34
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu			1,34	1,34	1,34

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trung Trực đoạn từ Giáp ranh phường Long Khánh đến Đường Suối Chồn Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
36	Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn)	Đường Ngô Quyền	Hẻm số 7 Đường Lê A	1,25	1,25	1,25
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,25	1,25	1,25
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,25	1,25	1,25
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,25	1,25	1,25
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,25	1,25	1,25
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,25	1,25	1,25
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông (Bảo Vinh B - Suối Chồn) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hẻm số 7 Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,25	1,25	1,25
43	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường Ngô Quyền	Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn	Đường Duy Tân	1,26	1,26	1,26
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường vào nghĩa địa Bảo Sơn đến Đường Duy Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,26	1,26	1,26
57	Đường Ngô Quyền	Đường Duy Tân	Giáp ranh phường Long Khánh	1,26	1,26	1,26
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Duy Tân đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,26	1,26	1,26
64	Đường Bảo Vinh - Bảo Quang	Đường Ngô Quyền	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Vinh - Bảo Quang đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Bảo Quang - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời)	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Thái (Bảo Vinh B - Ruộng Hời) đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường vào miếu Ông Hổ	Đường Ngô Quyền	Đường Thành Thái	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào miếu Ông Hổ đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Thành Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Duy Tân	Đường Ngô Quyền	Đường Hàm Nghi	1,26	1,26	1,26
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,26	1,26	1,26

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,26	1,26	1,26
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hàm Nghi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,26	1,26	1,26
92	Đường Duy Tân	Đường Hàm Nghi	Giáp ranh xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Duy Tân đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
99	Đường số 4	Đường Duy Tân	Đường vào Miếu Ông Hổ	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 đoạn từ Đường Duy Tân đến Đường vào Miếu Ông Hổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Ngã ba Ông Phúc	Đường Ruộng Tre - Thọ An	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Ngã ba Ông Phúc đến Đường Ruộng Tre - Thọ An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B)	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàm Nghi (đường Bảo Vinh B) đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Đường Bảo Quang - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Giáp ranh xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Ruộng Tre đoạn từ Đường Ruộng Tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
127	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Đường Hàm Nghi	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	1,19	1,19	1,19
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
134	Đường Bảo Quang - Bàu Cối	Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang	Đường Suối Chồn - Bàu Cối	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Bàu Cối đoạn từ Ngã ba tiếp giáp đường Bảo Vinh-Bảo Quang đến Đường Suối Chồn - Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.00m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
141	Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc	Đường Ruộng tre - Thọ An	Giáp ranh xã Xuân Bắc	1,19	1,19	1,19
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Xuân Bắc đoạn từ Đường Ruộng tre - Thọ An đến Giáp ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
148	Đường Ruộng Tre - Thọ An	Đường Hàm Nghi	Ranh xã Xuân Lộc	1,21	1,21	1,21
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,21	1,21	1,21
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,21	1,21	1,21
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là			1,21	1,21	1,21

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ruộng Tre - Thọ An đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,21	1,21	1,21
155	Đường Bảo Quang - Xuân Bắc	Đường Hàm Nghi	Ranh xã Xuân Bắc	1,29	1,29	1,29
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bảo Quang - Xuân Bắc đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,29	1,29	1,29
162	Đường Lê A	Đường Hồ Thị Hương	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	1,19	1,19	1,19
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường Hồ Thị Hương đến Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
169	Đường Lê A	Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre	Giáp cầu Bình Lộc	1,19	1,19	1,19
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp ranh Khu công nghiệp Suối Tre đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
176	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Giáp ranh xã Xuân Bắc	Giáp ranh phường Bình Lộc	1,39	1,39	1,39
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Bắc đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
183	Đường số 5	Đường Hàm Nghi	Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro	1,39	1,39	1,39
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Hàm Nghi đến Nhà văn hòa đồng bào dân tộc Chơ-ro có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
190	Đường Hồ Thị Hương	Đường Lê A	Mương thoát lũ Suối Cải	1,31	1,31	1,31
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương đoạn từ Đường Lê A đến Mương thoát lũ Suối Cải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,31	1,31	1,31

Bảng 21. Phường xuân lập

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Lương Đình Của	Đường Hồng Thập Tự	Giáp ranh phường Long Khánh	1,19	1,19	1,19
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lương Đình Của đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Giáp ranh phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
8	Đường Võ Văn Tần	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Nguyễn Văn trỗi	1,39	1,39	1,39
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Xuân Bình - Xuân Lập đến Đường Nguyễn Văn trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
15	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Lương Định Của	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	1,30	1,30	1,30
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,30	1,30	1,30
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,30	1,30	1,30
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Lương Định Của đến Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,30	1,30	1,30
22	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ	Đường Bàu Sen	1,30	1,30	1,30
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,30	1,30	1,30
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Cuối khu dân cư Khu phố Núi Đỏ đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,30	1,30	1,30
29	Đường Bàu Sen	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Bàu Sen đi Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Lương Định Của	Đường Võ Văn Tần	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Lương Định Của đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Văn Tần	Đường số 1	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Đường số 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường số 1	Quốc lộ 1	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	1,23	1,23	1,23
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,23	1,23	1,23
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,23	1,23	1,23

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Lập - Bàu Sao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,23	1,23	1,23
57	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Số 1	Đường số 1 vào 500m	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Số 1 đến Đường số 1 vào 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường số 1 vào 500m	Đường lô 8 đi cầu Be	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường số 1 vào 500m đến Đường lô 8 đi cầu Be có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường lô 8 đi cầu Be	Hết ranh phường Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường lô 8 đi cầu Be đến Hết ranh phường Xuân Lập			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
78	Đường Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Dầu Giây	Giáp ranh phường Bình Lộc	1,22	1,22	1,22
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,22	1,22	1,22
85	Đường Lê Hữu Trác	Ranh phường Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31	1,13	1,13	1,13
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,13	1,13	1,13
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,13	1,13	1,13
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,13	1,13	1,13

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,13	1,13	1,13
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,13	1,13	1,13
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hữu Trác đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,13	1,13	1,13
92	Đường Bàu Sen đi Xuân Lập	Đường Bàu Sen	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Sen đi Xuân Lập đoạn từ Đường Bàu Sen đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường Xuân Lập -	Đường số 1	Đường sắt	1,16	1,16	1,16

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hàng Gòn					
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,16	1,16	1,16
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,16	1,16	1,16
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,16	1,16	1,16
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,16	1,16	1,16
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,16	1,16	1,16
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường số 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,16	1,16	1,16
106	Đường Xuân Lập - Hàng Gòn	Đường sắt	Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Hàng Gòn đoạn từ Đường sắt đến Hết ranh thửa đất số 27, tờ BĐĐC số 25 về bên phải, phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập			1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường cầu Bến Ngựa	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Bàu Sen	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Bến Ngựa đoạn từ Đường Xuân Lập - Bàu Sao đến Đường Bàu Sen có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 22. Phường Hàng Gòn

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường 21 tháng 4	Đầu Cầu Gia Liêu	Giáp ngã ba Tân Phong	1,27	1,27	1,27
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đầu Cầu Gia Liêu đến Giáp ngã ba Tân Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
8	Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định)	Đường 21/4	Giáp ranh xã Xuân Định	1,19	1,19	1,19
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong (đường Xuân Tân - Xuân Định) đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
15	Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Đường Nguyễn Trãi	1,39	1,39	1,39
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ tổ 31B đi khu Bàu Tra đoạn từ Tuyến đường qua khu đô thị mới đến Đường Nguyễn Trãi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
22	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Giáp ranh xã Xuân Định	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
29	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Quốc lộ 56	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Ranh giới xã Hàng Gòn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Ranh giới xã Hàng Gòn cũ	Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số 135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đoạn từ Ranh giới xã Hàng Gòn cũ đến Hết ranh thửa đất số			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	135 tờ BĐĐC số 22 về bên trái và hết ranh thửa đất số 90 tờ BĐĐC số 22 + 60m về bên phải, phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
43	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Nhà máy mủ	Ngã ba đường đi Xuân Quế	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Nhà máy mủ đến Ngã ba đường đi Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường Hàng Gòn - Xuân Quế	Ngã ba đường đi Xuân Quế	Giáp ranh xã Xuân Quế	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hàng Gòn - Xuân Quế đoạn từ Ngã ba đường đi Xuân Quế đến Giáp ranh xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường Quốc lộ 56	Đường Quốc lộ 1	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	1,10	1,10	1,10
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,10	1,10	1,10
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,10	1,10	1,10
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,10	1,10	1,10
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,10	1,10	1,10
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,10	1,10	1,10
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Tân - Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,10	1,10	1,10

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
64	Đường Quốc lộ 56	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1,10	1,10	1,10
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,10	1,10	1,10
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,10	1,10	1,10
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,10	1,10	1,10
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,10	1,10	1,10
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,10	1,10	1,10
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 56 đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,10	1,10	1,10
71	Đường Quốc lộ 1	Ngã 3 Tân Phong	Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng	1,22	1,22	1,22
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện			1,22	1,22	1,22

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Ngã 3 Tân Phong đến Giáp Trạm dừng chân Lê Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,22	1,22	1,22
78	Đường Quốc lộ 1	Trạm dừng chân Lê Hoàng	Ranh xã Xuân Định	1,22	1,22	1,22
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Quốc lộ 1 đoạn từ Trạm dừng chân Lê Hoàng đến Ranh xã Xuân Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,22	1,22	1,22
85	Đường Xuân Lập - Bàu Sao	Đường Xuân Tân - Hàng Gòn	Giáp ranh phường Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lập - Bàu Sao đoạn từ Đường Xuân Tân - Hàng Gòn đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Tuyến đường qua khu đô thị mới	Ranh phường Long Khánh	Đường Lê Hồng Phong	1,19	1,19	1,19
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Tuyến đường qua khu đô thị mới đoạn từ Ranh phường Long Khánh đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19

Bảng 23. Phường Bình Lộc

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Dầu Giây	Giáp ranh phường Bình Lộc	1,22	1,22	1,22
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Giáp ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,22	1,22	1,22
8	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh xã Dầu Giây	Đường tỉnh 770	1,27	1,27	1,27
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Giáp ranh xã Dầu Giây đến Đường tỉnh 770 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
15	Đường 21 tháng 4	Đường tỉnh 770	Đường Võ Duy Dương	1,27	1,27	1,27
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 4 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Võ Duy Dương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
22	Đường Võ Văn Tần	Giáp khu công nghiệp Long Khánh	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Giáp khu công nghiệp Long Khánh đến Đường Xuân Bình - Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
29	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Duy Dương	Đường Võ Văn Tần	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Duy Dương đến Đường Võ Văn Tần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Xuân Bình - Xuân Lập	Đường Võ Văn Tần	Giáp ranh phường Xuân Lập	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bình - Xuân Lập đoạn từ Đường Võ Văn Tần đến Giáp ranh phường Xuân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường Võ Duy Dương	Đường Hồng Thập Tự	Đường 21/4	1,21	1,21	1,21
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,21	1,21	1,21
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ			1,21	1,21	1,21

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,21	1,21	1,21
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Duy Dương đoạn từ Đường Hồng Thập Tự đến Đường 21/4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,21	1,21	1,21
50	Đường Lê A	Đường 21/4	Giáp ranh KCN Bình Lộc	1,19	1,19	1,19
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Đường 21/4 đến Giáp ranh KCN Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
57	Đường Lê A	KCN Bình Lộc	Giáp cầu Bình Lộc	1,19	1,19	1,19
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ KCN Bình Lộc đến Giáp cầu Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
64	Đường Lê A	Giáp cầu Bình Lộc	Ngã ba Đài tưởng niệm	1,29	1,29	1,29
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Giáp cầu Bình Lộc đến Ngã ba Đài tưởng niệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
71	Đường Lê A	Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc	1,29	1,29	1,29
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp trụ sở UBND phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
78	Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc	Đường Bình Lộc - Cây Da	Ranh xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc đi ấp Bàu Cối xã Xuân Bắc đoạn từ Đường Bình Lộc - Cây Da đến Ranh xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường khu phố 3 phường Bình Lộc	Đường Lê A	Hết đường nhựa	1,24	1,24	1,24
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu phố 3 phường Bình Lộc đoạn từ Đường Lê A đến Hết đường nhựa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
92	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Ngã ba Đài tưởng niệm	Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Ngã ba Đài tưởng niệm đến Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa	Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3	Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa đoạn từ Giáp đường khu phố 2 đi khu phố 3 đến Giáp đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường tỉnh 770	Đường 21 tháng 4	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc	1,29	1,29	1,29
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Đường 21 tháng 4 đến Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,29	1,29	1,29
113	Đường tỉnh 770	Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc	Hết ranh phường Bình Lộc	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 770 đoạn từ Ngã tư trụ sở Nông trường Cao su Bình Lộc đến Hết ranh phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đi vào hết 2536m	1,14	1,14	1,14
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,14	1,14	1,14

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,14	1,14	1,14
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đi vào hết 2536m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
127	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đoạn 2536m	Cây xăng Hoàng Minh Việt	1,14	1,14	1,14
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,14	1,14	1,14
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,14	1,14	1,14

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Đoạn 2536m đến Cây xăng Hoàng Minh Việt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
134	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cây xăng Hoàng Minh Việt	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	1,14	1,14	1,14
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,14	1,14	1,14
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,14	1,14	1,14
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,14	1,14	1,14
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đoạn từ Cây xăng Hoàng Minh Việt đến Đường Đông Kim - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,14	1,14	1,14
141	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Giáp ranh xã Gia Kiệm	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	1,24	1,24	1,24
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Giáp ranh xã Gia Kiệm đến Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
148	Đường Đông Kim - Xuân Thiện	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho)	1,24	1,24	1,24
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Kim - Xuân Thiện đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Cầu Suối Đá (giáp đường Xuân Thiện – Suối Nho) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
155	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Lê A	Đường Bình Lộc - Bảo Quang	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Lê A đến Đường Bình Lộc - Bảo Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
162	Đường Bình Lộc - Cây Da	Đường Bình Lộc Bảo Quang	Ranh giới xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Lộc - Cây Da đoạn từ Đường Bình Lộc Bảo Quang đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
169	Đường Xuân Thiện – Suối Nho	Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện)	Cầu Suối Đục	1,19	1,19	1,19
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thiện – Suối Nho đoạn từ Cầu Suối Đá (giáp đường Đông Kim – Xuân Thiện) đến Cầu Suối Đục có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
176	Đường 135	Đường tỉnh 770	Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 135 đoạn từ Đường tỉnh 770 đến Đường Lạc Sơn – Xuân Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
183	Đường cầu Ông Bồ	Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện	Đường Bình Lộc - Cây Da	1,39	1,39	1,39
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Ông Bồ đoạn từ Đường Lạc Sơn - Xuân Thiện đến Đường Bình Lộc - Cây Da có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
190	Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc	Đường 21 tháng 4	Giáp ranh phường Xuân Lập	1,19	1,19	1,19
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vành đai 1 đoạn qua phường Bình Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19

Bảng 24. Phường Xuân Lộc

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)	1,39	1,39	1,39
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
8	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)	1,39	1,39	1,39
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
15	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường tỉnh 766	Cầu gió bay	1,19	1,19	1,19
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường phố ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường phố ≤400m.			1,19	1,19	1,19
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành chưa được đầu tư mặt đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường phố ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường phố ≤400m. - Có bề rộng <3m, cách đường phố ≤200m.			1,19	1,19	1,19
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ cầu gió bay đến hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
22	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Giáp ranh xã Xuân Thành	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	1,31	1,31	1,31
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Thành đến Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
29	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	1,31	1,31	1,31
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 85, tờ BĐĐC số 130 về bên phải và hết ranh thửa đất số 48, tờ BĐĐC số 130 về bên trái đến Hết ranh thửa			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
36	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái	Giáp ranh phường Bảo Vinh	1,31	1,31	1,31
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 139 về bên phải và hết ranh thửa đất số 28, tờ BĐĐC số 139 về bên trái đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
43	Đường tỉnh 763	Quốc lộ 1	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	1,19	1,19	1,19
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
50	Đường tỉnh 763	Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	1,19	1,19	1,19
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây xăng Gia Nguyễn Minh đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
57	Đường tỉnh 763	Hết cây Xăng Tín Nghĩa	Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	1,19	1,19	1,19
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết cây Xăng Tín Nghĩa đến Hết cây Xăng Tín Nghĩa + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
64	Đường tỉnh 763	Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m	Cầu Cao	1,19	1,19	1,19
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết Cây Xăng Tín Nghĩa + 400m đến Cầu Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
71	Đường tỉnh 763	Cầu Cao	Ranh giới xã Xuân Bắc	1,19	1,19	1,19
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Cầu Cao đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
78	Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa	Đường tỉnh 763	Ranh giới xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường khu 7 - ấp Thọ Hòa đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Thọ Trung đi Bảo Quang	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Ranh giới phường Bảo Vinh	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Trung đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh giới phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường L6 - ấp Thọ Lộc	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191, tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường L6 - ấp Thọ Lộc đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Hết ranh thửa đất số 191,			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tờ BĐĐC số 96 về bên phải và hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 104 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
99	Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân	Đường tỉnh 763	Ranh giới phường Long Khánh	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Chánh đi Thọ Tân đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường C4 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C4 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết ranh thửa đất số 233, tờ BĐĐC số 140 về bên phải và hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 140 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường C2 - ấp Thọ Chánh	Đường tỉnh 763	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường C2 - ấp Thọ Chánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Thọ Bình đi Thọ Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường Thọ Bình đi Thọ Phước	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thọ Bình đi Thọ Phước đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường B7 - ấp Thọ Bình	Đường tỉnh 763	Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường B7 - ấp Thọ Bình đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Ranh thửa đất số 22, tờ BĐĐC số 154 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường tỉnh 766	Đường Hồ Núi Le	Hết chùa Long Quang	1,35	1,35	1,35
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường Hồ Núi Le đến Hết chùa Long Quang có hiện trạng là			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
141	Đường tỉnh 766	Hết chùa Long Quang	Ngã ba Suối Cao	1,35	1,35	1,35
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết chùa Long Quang đến Ngã ba Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
148	Đường tỉnh 766	Ngã ba Suối Cao	Đường số 3 ấp Trung Lương	1,35	1,35	1,35
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Ngã ba Suối Cao đến Đường số 3 ấp Trung Lương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
155	Đường tỉnh 766	Đường số 3 ấp Trung Lương	Giáp ranh xã Xuân Thành	1,35	1,35	1,35
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Đường số 3 ấp Trung Lương đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
162	Đường Cây Keo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái			
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Keo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 227 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 227 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
169	Đường số 2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái	1,39	1,39	1,39
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 176, tờ BĐĐC số 220 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 220 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
176	Đường Suối Lạnh	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lạnh đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 257, tờ BĐĐC số 200 xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
183	Đường vào chùa Gia Lào	Đường tỉnh 766	Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan	1,39	1,39	1,39
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chùa Gia Lào đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Khu du lịch cáp treo Núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
190	Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đá - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Ranh thửa đất số 160, tờ BĐĐC số 185, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
197	Đường Cây Me - ấp Trung Sơn	Đường vào chùa Gia Lào	Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me - ấp Trung Sơn đoạn từ Đường vào chùa Gia Lào đến Hết ranh thửa đất số 731, tờ BĐĐC số 187 về bên phải và hết ranh thửa đất số 494, tờ BĐĐC số 187 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
204	Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa	Đường Thành Công	Đường vào chùa Gia Lào	1,39	1,39	1,39
205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn kết - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Thành Công đến Đường vào chùa Gia Lào có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
211	Đường Thành Công	Đường tỉnh 766	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	1,39	1,39	1,39
212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Thành Công đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Đường Xuân Lộc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
218	Đường Xuân Trường - Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 214 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 214 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
225	Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa	Đường Cây số 2	Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Gia Ló - ấp Trung Nghĩa đoạn từ Đường Cây số 2 đến Hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 219 về bên phải và hết ranh thửa đất số 42, tờ BĐĐC số 219 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
232	Đường Trung Tín	Đường tỉnh 766	Ranh giới xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39
233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
239	Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Quảng - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
246	Đường xóm Huế - ấp Trung Tín	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường xóm Huế - ấp Trung Tín đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 250, tờ BĐĐC số 193 về bên phải và hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 193 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
253	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39
254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp ranh xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
260	Đường cây số 5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cây số 5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 180 về bên phải và hết ranh thửa đất số 95, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
267	Đường số 3 ấp Trung Lương	Đường tỉnh 766	Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 ấp Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ranh thửa đất số 72, tờ BĐĐC số 176, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
274	Đường Đông Trung Lương	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đông Trung Lương đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 80, tờ BĐĐC số 194 về bên phải và hết ranh thửa đất số 79, tờ BĐĐC số 194 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
281	Quốc lộ 1	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Suối Gia Măng	1,34	1,34	1,34
282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
288	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	Hết giáo xứ RuSeyKeo	1,19	1,19	1,19
289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết giáo xứ RuSeyKeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
295	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ RuSeyKeo	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	1,19	1,19	1,19
296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ RuSeyKeo đến Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
302	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	1,35	1,35	1,35
303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 88, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
309	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	1,24	1,24	1,24
310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 74, tờ BĐĐC số 251 về bên phải và hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 251 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
316	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	1,35	1,35	1,35
317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Hết ranh thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 250 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 250 về bên trái đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
323	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái	Giáp ranh xã Xuân Phú	1,24	1,24	1,24
324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 249 về bên phải và hết ranh thửa đất số 59, tờ BĐĐC số 249 về bên trái đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
330	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Quốc lộ 1	Ngã 3 ông Sang	1,39	1,39	1,39
331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã 3 ông Sang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
337	Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng	Ngã 3 ông Sang	Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh đi ấp Hiệp Hưng đoạn từ Ngã 3 ông Sang đến Hết ranh thửa đất số 220, tờ BĐĐC số 262 về bên phải và hết ranh thửa đất số 02, tờ BĐĐC số 262 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
344	Đường tỉnh 765	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	1,35	1,35	1,35
345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
351	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	1,35	1,35	1,35
352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 571, tờ BĐĐC số 252 về bên phải và hết ranh thửa đất số 458, tờ BĐĐC số 252 về bên trái đến Hết trường THCS Nguyễn Hiền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
358	Đường tỉnh 765	Hết trường THCS Nguyễn Hiền	Đường gom cao tốc	1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết trường THCS Nguyễn Hiền đến Đường gom cao tốc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
365	Đường tỉnh 765	Đường gom cao tốc	Cầu Lang Minh (Cầu Ba)	1,35	1,35	1,35
366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường gom cao tốc đến Cầu Lang Minh (Cầu Ba) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
372	Đường Việt Kiều 5	Quốc lộ 1	Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc)	1,39	1,39	1,39
373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 5 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 267 (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
379	Đường Việt Kiều 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 329, tờ BĐĐC số 290 về bên phải hết ranh thửa đất số 296, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
386	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc)	1,39	1,39	1,39
387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 271, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
393	Đường Xuân Hiệp 25	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ	Giáo xứ Russeykeo	1,39	1,39	1,39
394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 25 đoạn từ Đường vào UBND xã Xuân Hiệp cũ đến Giáo xứ Russeykeo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
400	Đường Việt Kiều 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Việt Kiều 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 163, tờ BĐĐC số 290 về bên phải và hết ranh thửa đất số 341, tờ BĐĐC số 290 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
407	Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22	Quốc lộ 1	Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp suối và giáp ranh thửa đất số 52, tờ BĐĐC số 269, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
414	Hiệp Tiến	Quốc lộ 1	Đường quanh núi Chứa Chan	1,39	1,39	1,39
415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hiệp Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
421	Đường quanh núi Chứa Chan	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hiệp Tiến	1,39	1,39	1,39
422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường quanh núi Chứa Chan đoạn từ Đường Ngô Đức Kế đến Đường Hiệp Tiến có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
428	Đường Song hành	Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ	Đường Xuân Hiệp 12	1,39	1,39	1,39
429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Song hành đoạn từ Bệnh viện đa khoa huyện Xuân Lộc cũ đến Đường Xuân Hiệp 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
435	Đường Xuân Hiệp 17	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	1,39	1,39	1,39
436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 17 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
442	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Quốc lộ 1	Cầu Sông Ray	1,19	1,19	1,19
443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
449	Đường Xuân Hiệp 16	Đường Song hành	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	1,39	1,39	1,39
450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 16 đoạn từ Đường Song hành đến Đường Xuân Hiệp - Lang Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
456	Đường Trịnh Hoài Đức	Quốc lộ 1	Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp)	1,39	1,39	1,39
457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trịnh Hoài Đức đoạn từ Quốc lộ 1 đến Kênh thủy lợi (hồ Gia Măng - xã Xuân Hiệp) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
463	Đường Xuân Hiệp 13	Đường Song hành	Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 13 đoạn từ Đường Song hành đến Hết ranh thửa đất số 151, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 71, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
470	Đường vào Trạm y tế	Quốc lộ 1	Ranh hồ Gia Măng	1,39	1,39	1,39
471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trạm y tế đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh hồ Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
477	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 426, tờ BĐĐC số 292 về bên phải và hết ranh thửa đất số 68, tờ BĐĐC số 292 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
484	Đường Xuân Hiệp 12	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hiệp 9	1,39	1,39	1,39
485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 12 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hiệp 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
491	Đường Xuân Hiệp 2	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	Đường vào Trạm y tế	1,39	1,39	1,39
492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 2 đoạn từ Đường Xuân Hiệp - Lang Minh đến Đường vào Trạm y tế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
498	Đường Xuân Hiệp 3	Đường Xuân Hiệp 16	Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m .- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 3 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Hết ranh thửa đất số 130, tờ BĐĐC số 274 về bên phải và hết ranh thửa đất số 242, tờ BĐĐC số 274 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
505	Đường Xuân Hiệp 4	Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 4 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 và đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Đường Xuân Hiệp 13 và ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 274, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
512	Đường Xuân Hiệp 5	Đường Tam Hiệp - Tân Tiến	Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp	1,39	1,39	1,39
513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 5 đoạn từ Đường Tam Hiệp - Tân Tiến đến Hết ranh thửa đất số 43, tờ BĐĐC số 14 về bên phải và hết ranh thửa đất số 299, tờ BĐĐC số 08 về bên trái, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
519	Đường Xuân Hiệp 6	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	1,39	1,39	1,39
520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 6 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
526	Đường Xuân Hiệp 7	Đường Xuân Hiệp 16	Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp	1,39	1,39	1,39
527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 7 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Ranh thửa đất số 154, tờ BĐĐC số 280, xã Xuân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
533	Đường Xuân Hiệp 8	Đường Xuân Hiệp 16	Suối Gia Măng	1,39	1,39	1,39
534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 8 đoạn từ Đường Xuân Hiệp 16 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
540	Đường Xuân Hiệp 9	Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ)	Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 9 đoạn từ Đường vào Trạm y tế xã Xuân Hiệp (cũ) đến Hết ranh thửa đất số 111, tờ BĐĐC số 281 về bên phải và hết ranh thửa đất số 264, tờ BĐĐC số 280 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
547	Đường Tân Hiệp	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Hòa	1,39	1,39	1,39
548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hiệp đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
554	Đường Xuân Hiệp 10	Đường Tân Hiệp	Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 10 đoạn từ Đường Tân Hiệp đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 281, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
561	Đường Xuân Hiệp 11	Suối Gia Măng	Đường Tân Hiệp	1,39	1,39	1,39
562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hiệp 11 đoạn từ Suối Gia Măng đến Đường Tân Hiệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
568	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Quốc lộ 1	Suối Gia Măng	1,19	1,19	1,19
569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Măng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
575	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Suối Gia Măng	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	1,27	1,27	1,27
576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Suối Gia Măng đến Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
582	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc	Hết Nhà thờ Tam Thái	1,27	1,27	1,27
583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ			1,27	1,27	1,27

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết chi nhánh Điện lực Xuân Lộc đến Hết Nhà thờ Tam Thái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
589	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Nhà thờ Tam Thái	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	1,27	1,27	1,27
590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Nhà thờ Tam Thái đến Hết Trường Tiểu học Kim Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,27	1,27	1,27

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
596	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Hết Trường Tiểu học Kim Đồng	Cầu Phước Hưng	1,27	1,27	1,27
597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Kim Đồng đến Cầu Phước Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
603	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ)	Cầu Phước Hưng	Đường Hồ Núi Le	1,27	1,27	1,27
604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,27	1,27	1,27
608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Quốc lộ 1 cũ) đoạn từ Cầu Phước Hưng đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,27	1,27	1,27
610	Đường vào hồ Núi Le	Đường Hùng Vương	Đường 21 tháng 3 nối dài	1,19	1,19	1,19
611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường 21 tháng 3 nối dài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
617	Đường vào hồ Núi Le	Đường 21 tháng 3 nối dài	Đường Trương Công Định	1,39	1,39	1,39
618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường 21 tháng 3 nối dài đến Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
624	Đường vào hồ Núi Le	Đường Trương Công Định	Đường Huỳnh Văn Nghệ	1,39	1,39	1,39
625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào hồ Núi Le đoạn từ Đường Trương Công Định đến Đường Huỳnh Văn Nghệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
631	Đường Ngô Đức Kế	Đường Hùng Vương	Đường quanh núi Chứa Chan	1,39	1,39	1,39
632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Đức Kế đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
638	Đường Trần Phú	Đường Ngô Quyền	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
645	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,19	1,19	1,19
646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
652	Đường Trần Phú	Đường Võ Thị Sáu	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	1,19	1,19	1,19
653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
659	Đường Trần Phú	Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn An Ninh	1,19	1,19	1,19
660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư đường Lê Duẩn và đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường Nguyễn An Ninh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
666	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn An Ninh	Ngã ba Núi Le	1,19	1,19	1,19
667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Phú đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
673	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba bưu điện	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,19	1,19	1,19
674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba bưu điện đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
680	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	1,19	1,19	1,19
681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
687	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Tâm	1,19	1,19	1,19
688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh (QL1 cũ) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Tâm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
694	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba Núi Le	1,19	1,19	1,19
695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Đường Nguyễn Thị Minh Khai đến Ngã ba Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
701	Đường Ngô Gia Tự (song hành)	Ngã ba Núi Le	Giáp ranh xã Xuân Hòa	1,19	1,19	1,19
702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn từ Ngã ba Núi Le đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
708	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Văn Vận	Đường Hoàng Đình Thương	1,29	1,29	1,29
709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Lê Văn Vận đến Đường Hoàng Đình Thương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,29	1,29	1,29
715	Đường Ngô Quyền	Đường Hoàng Đình Thương	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	1,29	1,29	1,29
716	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
717	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
718	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
719	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
720	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
721	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Đường Hoàng Đình Thương đến Giáp Xí nghiệp Phong Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,29	1,29	1,29
722	Đường Ngô Quyền	Giáp Xí nghiệp Phong Phú	Đường Hùng Vương	1,29	1,29	1,29
723	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
724	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
725	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
726	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,29	1,29	1,29
727	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
728	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Giáp Xí nghiệp Phong Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,29	1,29	1,29
729	Đường Lê Duẩn	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Huệ	1,19	1,19	1,19
730	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
731	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
732	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
733	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
734	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
735	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
736	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	1,19	1,19	1,19
737	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
738	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
739	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
740	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
741	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
742	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
743	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Đường Võ Thị Sáu	1,19	1,19	1,19
744	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
745	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
746	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
747	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
748	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
749	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
750	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Võ Thị Sáu	Đường Trần Phú	1,39	1,39	1,39
751	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
752	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
753	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
754	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
755	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
756	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
757	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,19	1,19	1,19
758	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
759	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
760	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
761	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
762	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
763	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
764	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,39	1,39	1,39
765	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
766	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
767	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
768	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
769	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
770	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
771	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Trần Phú	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,39	1,39	1,39
772	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
773	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
774	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
775	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
776	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
777	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
778	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1,39	1,39	1,39
779	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
780	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
781	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
782	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
783	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
784	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Thị Minh Khai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
785	Đường Phan Chu Trinh			1,19	1,19	1,19
786	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
787	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
788	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
789	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
790	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
791	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
792	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Trần Phú	Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc	1,21	1,21	1,21
793	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,21	1,21	1,21
794	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường			1,21	1,21	1,21

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
795	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
796	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,21	1,21	1,21
797	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
798	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,21	1,21	1,21
799	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc	Đường Hồ Núi Le	1,39	1,39	1,39
800	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
801	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
802	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
803	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
804	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
805	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Hết đền thờ liệt sĩ xã Xuân Lộc đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
806	Đường Trần Hưng Đạo			1,19	1,19	1,19
807	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
808	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
809	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
810	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
811	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
812	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Hưng Đạo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
813	Đường Lê Quý Đôn			1,19	1,19	1,19
814	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
815	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
816	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
817	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
818	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
819	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
820	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,33	1,33	1,33
821	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
822	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
823	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
824	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
825	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
826	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,33	1,33	1,33
827	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Quốc lộ 1	1,33	1,33	1,33
828	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
829	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
830	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
831	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
832	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
833	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Minh Khai đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Quốc lộ 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,33	1,33	1,33
834	Đường Mai Xuân Thưởng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc)	1,19	1,19	1,19
835	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
836	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
837	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
838	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
839	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
840	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mai			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Thưởng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 32, tờ BĐĐC số 06, xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
841	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	1,19	1,19	1,19
842	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
843	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
844	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
845	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
846	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
847	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
848	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
849	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
850	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
851	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
852	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
853	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
854	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đoàn Thị Điểm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 110, tờ BĐĐC số 51 về bên phải và hết ranh thửa đất số 113, tờ BĐĐC số 51 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
855	Đường Lê Văn Vận			1,19	1,19	1,19
856	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
857	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
858	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
859	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
860	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
861	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Vận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
862	Đường 21 tháng 3	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suối Gia Ui	1,35	1,35	1,35
863	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
864	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
865	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
866	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
867	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
868	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,35	1,35	1,35
869	Đường 21 tháng 3	Suối Gia Ui	Đường Hồ Núi Le	1,39	1,39	1,39
870	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
871	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
872	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
873	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
874	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
875	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 21 tháng 3 đoạn từ Suối Gia Ui đến Đường Hồ Núi Le có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
876	Đường 9 tháng 4			1,19	1,19	1,19
877	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
878	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
879	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
880	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
881	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
882	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 9 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
883	Đường Chi Lăng	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
884	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
885	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
886	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
887	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
888	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
889	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chi Lăng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 14, tờ BĐĐC số 50, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
890	Đường Chu Văn An	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	1,19	1,19	1,19
891	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
892	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
893	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
894	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
895	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
896	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
897	Đường Chu Văn An	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	1,39	1,39	1,39
898	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
899	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
900	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
901	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
902	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
903	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chu Văn An đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
904	Đường Hồ Thị Hương			1,19	1,19	1,19
905	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
906	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
907	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
908	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
909	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
910	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Thị Hương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
911	Đường Hoàng Đình Thương	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
912	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
913	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
914	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
915	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
916	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái,xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
917	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Đình Thương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 351, tờ BĐĐC số 18 về bên phải và hết ranh thửa đất số 70, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
918	Đường Hoàng Diệu			1,39	1,39	1,39
919	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
920	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
921	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
922	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
923	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
924	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Diệu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
925	Đường Hoàng Hoa Thám			1,19	1,19	1,19
926	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
927	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
928	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
929	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
930	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
931	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
932	Đường Hoàng Văn Thụ			1,19	1,19	1,19
933	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
934	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
935	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
936	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
937	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
938	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
939	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	1,19	1,19	1,19
940	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
941	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
942	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
943	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
944	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
945	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
946	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Đường Ngô Quyền	Đường quanh núi Chứa Chan	1,39	1,39	1,39
947	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
948	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
949	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
950	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
951	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
952	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường quanh núi Chứa Chan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
953	Đường Lê A			1,19	1,19	1,19
954	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
955	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
956	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
957	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
958	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
959	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê A có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
960	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	1,19	1,19	1,19
961	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
962	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
963	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
964	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
965	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
966	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
967	Đường Ngô Thì Nhậm	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	1,39	1,39	1,39
968	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
969	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
970	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
971	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
972	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
973	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Thì Nhậm đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
974	Đường Nguyễn Huệ	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	1,19	1,19	1,19
975	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
976	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
977	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
978	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
979	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
980	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
981	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,39	1,39	1,39
982	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
983	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
984	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
985	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
986	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
987	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
988	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	1,19	1,19	1,19
989	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
990	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
991	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
992	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
993	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
994	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
995	Đường Nguyễn Thiếp	Đường Ngô Quyền	Suối Gia Ui	1,39	1,39	1,39
996	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
997	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
998	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
999	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1000	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1001	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thiếp đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Suối Gia Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1002	Đường Nguyễn Trường Tộ			1,19	1,19	1,19
1003	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1004	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1005	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1006	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1007	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1008	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trường Tộ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1009	Đường Nguyễn Văn Trỗi			1,19	1,19	1,19
1010	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1011	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1012	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1013	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
1014	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1015	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1016	Đường Phan Đình Giót			1,19	1,19	1,19
1017	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1018	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1019	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1020	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1021	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1022	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đình Giót có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1023	Đường Phan Bội Châu			1,19	1,19	1,19
1024	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1025	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1026	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
1027	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1028	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1029	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1030	Đường Phan Văn Trị			1,33	1,33	1,33
1031	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
1032	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
1033	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
1034	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
1035	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
1036	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,33	1,33	1,33
1037	Đường Trương Công Định			1,19	1,19	1,19
1038	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1039	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1040	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1041	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1042	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1043	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Công Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1044	Đường Trương Văn Bang			1,19	1,19	1,19
1045	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1046	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1047	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1048	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1049	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1050	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1051	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Trương Công Định	Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
1052	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1053	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1054	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1055	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1056	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1057	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Vĩnh Ký đoạn từ Đường Trương Công Định đến Ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 43, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1058	Đường Trần Nhân Tông	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	1,19	1,19	1,19
1059	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1060	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1061	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1062	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1063	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1064	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1065	Đường Trần Nhân Tông	Đường Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh	1,39	1,39	1,39
1066	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1067	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1068	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1069	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1070	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1071	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1072	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	1,39	1,39	1,39
1073	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1074	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1075	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1076	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1077	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1078	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1079	Đường Trần Quang Diệu	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
1080	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1081	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1082	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1083	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1084	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1085	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 07, tờ BĐĐC			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	số 30, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
1086	Đường Trần Quý Cáp			1,19	1,19	1,19
1087	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1088	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1089	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1090	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1091	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1092	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quý Cáp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1093	Đường Trường Chinh	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1094	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1095	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1096	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1097	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1098	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1099	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 93, tờ BĐĐC số 53, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1100	Đường Võ Thị Sáu			1,19	1,19	1,19
1101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1103	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1106	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1107	Đường Võ Trường Toản			1,39	1,39	1,39
1108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1110	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1113	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Trường Toản có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1114	Đường số 1	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1117	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1120	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 1 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 33, tờ BĐĐC số 56 về bên phải và hết ranh thửa đất số 131, tờ BĐĐC số 47 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
1121	Đường số 2			1,19	1,19	1,19
1122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1124	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1127	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1128	Đường số 3	Đường Hùng Vương	Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1131	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1134	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 3 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 136, tờ BĐĐC số 35, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1135	Đường số 4			1,39	1,39	1,39
1136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1138	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1141	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1142	Đường số 5	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1145	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1148	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 5 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 17 về bên phải và hết ranh thửa đất số 353, tờ BĐĐC số 18 về bên trái, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1149	Đường số 6	Đường Ngô Quyền	Giáp suối Ông Hai	1,39	1,39	1,39
1150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1152	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1155	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 6 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Giáp suối Ông Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1156	Đường số 7			1,39	1,39	1,39
1157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1159	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1162	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 7 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1163	Đường số 8	Đường Ngô Quyền	Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1166	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
1168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1169	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 8 đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Hết ranh thửa đất số 61, tờ BĐĐC số 02, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1170	Đường số 9	Đường Lê Duẩn	Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
1171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1173	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1176	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 9 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Hết ranh thửa đất số 06, tờ BĐĐC số 64, xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1177	Đường số 10			1,39	1,39	1,39
1178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
1179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1180	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1183	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 10 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1184	Đường số 11			1,39	1,39	1,39
1185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1187	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1190	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 11 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1191	Đường số 12			1,39	1,39	1,39
1192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
1193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1194	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1197	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 12 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1198	Đường số 13			1,39	1,39	1,39
1199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1201	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1204	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1205	Đường số 14			1,39	1,39	1,39
1206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
1207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1208	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
1209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
1210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
1211	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 14 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
1212	Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm	Đường Hùng Vương	Đường Trần Phú	1,19	1,19	1,19
1213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
1215	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
1216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
1217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
1218	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vòng cung trước Công viên và Đài tưởng niệm đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
1219	Đường XH2	Thửa đất số 237, 604 tờ bản đồ số 252	Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278	1,39	1,39	1,39
1220	Đường XH3	Thửa đất số 242, 289 tờ bản đồ số 276	Hết ranh thửa đất số 202 và 257, tờ bản đồ 278	1,39	1,39	1,39

Bảng 25. Xã Xuân Hòa

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Đường hồ Núi Le	Hết ranh xã Xuân Hòa	1,19	1,19	1,19
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn thuộc xã Xuân Hòa đoạn từ Đường hồ Núi Le đến Hết ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
8	Quốc lộ 1	Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa	Hết Trường Mầm non ấp 6	1,36	1,36	1,36
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m .- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Ngô Gia Tự (song hành) đoạn thuộc xã Xuân Hòa đến Hết Trường Mầm non ấp 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
15	Quốc lộ 1	Giáp Trường Mầm non ấp 6	Hết chùa Quảng Long	1,36	1,36	1,36
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp Trường Mầm non ấp 6 đến Hết chùa Quảng Long có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
22	Quốc lộ 1	Hết chùa Quảng Long	Đường Cầu Trắng	1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết chùa Quảng Long đến Đường Cầu Trắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
29	Quốc lộ 1	Cầu Trắng	Đường Tà Lú + 800m	1,36	1,36	1,36
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Cầu Trắng đến Đường Tà Lú + 800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
36	Quốc lộ 1	Đường Tà Lú + 800m	Hết giáo xứ Long Thuận	1,36	1,36	1,36
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Tà Lú + 800m đến Hết giáo xứ Long Thuận có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
43	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Long Thuận	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	1,36	1,36	1,36
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Long Thuận đến Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
50	Quốc lộ 1	Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	1,36	1,36	1,36
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,36	1,36	1,36
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường vào tịnh xá Ngọc Hưng đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
57	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 100m	1,19	1,19	1,19
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 100m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
64	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 100m	Quốc lộ 1 + 400m	1,19	1,19	1,19
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa,			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 100m đến Quốc lộ 1 + 400m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
71	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Quốc lộ 1 + 400m	Qua nhà máy cồn 200m	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Quốc lộ 1 + 400m đến Qua nhà máy cồn 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
78	Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo	Qua nhà máy cồn 200m	Ranh giới xã Xuân Thành	1,19	1,19	1,19
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Tâm đi Trảng Táo đoạn từ Qua nhà máy cồn 200m đến Ranh giới xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
85	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Quốc lộ 1	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	1,19	1,19	1,19
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
92	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	1,19	1,19	1,19
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Văn phòng ấp 5 (ngã tư đường sau chợ Xuân Đà) đến Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) có hiện trạng là đường nhựa,			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
99	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng)	Ranh giới xã Xuân Hòa	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết kho xưởng (Nguyễn Sáng) đến Ranh giới xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 +300m	1,19	1,19	1,19
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa,			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 +300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
113	Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ	Quốc lộ 1 +300m	Suối Sông Ui	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hưng đi Xuân Tâm cũ đoạn từ Quốc lộ 1 +300m đến Suối Sông Ui có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
120	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+300m	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường Tà Lú	Quốc lộ 1+300m	Trường bắn Quốc gia KV3	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tà Lú đoạn từ Quốc lộ 1+300m đến Trường bắn Quốc gia KV3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Sóc Ba Buông	Quốc lộ 1	Đường Xuân Hòa 5	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Xuân Hòa 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
141	Đường Sóc Ba Buông	Đường Xuân Hòa 5	Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa	1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái,			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sóc Ba Buông đoạn từ Đường Xuân Hòa 5 đến Hết ranh thửa đất số 747, tờ BĐĐC số 285 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
148	Đường Xuân Hòa 2	Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 2 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Hưng cũ đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Xuân Hòa 5	Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m	Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa)	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 5 đoạn từ Đường Sóc Ba Buông hướng đi xã Xuân Hưng cũ 2.309 m đến Ngã ba (bên phải hết ranh thửa đất số 785 tờ BĐĐC số 291; bên trái, đến hết ranh thửa đất số 668, tờ BĐĐC số 291, xã Xuân Hòa) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
162	Đường Xuân Hòa 3	Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa)	Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa	1,39	1,39	1,39
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Hòa 3 đoạn từ Ngã ba (thửa đất số 1624, tờ BĐĐC số 307, xã Xuân Hòa) đến Hết ranh thửa đất số 320, tờ BĐĐC số 301 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1009, tờ BĐĐC số 300 về bên trái, xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 26. Xã Xuân Thành

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 766	Giáp ranh xã Xuân Lộc	Cây xăng số 9	1,35	1,35	1,35
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Lộc đến Cây xăng số 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
8	Đường tỉnh 766	Cây xăng số 9	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	1,35	1,35	1,35
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Cây xăng số 9 đến Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
15	Đường tỉnh 766	Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu	Ranh giới tỉnh Lâm Đồng	1,35	1,35	1,35
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 766 đoạn từ Hết Nhà văn hóa ấp Tân Hữu đến Ranh giới tỉnh Lâm Đồng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
22	Đường lô 13	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành			
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường lô 13 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 37 về bên phải và hết ranh thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
29	Đường Xuân Thành đi Trảng Táo	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành)	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành đi Trảng Táo đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 199, tờ BĐĐC số 177 (xã Xuân Lộc) về bên phải và hết ranh thửa đất số 1759, tờ BĐĐC số 50 về bên trái (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc)	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Kinh tế - ấp Gia Hòa đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 209, tờ BĐĐC số 49 về bên phải (xã Xuân Thành) và hết ranh thửa đất số 37, tờ BĐĐC số 173 về bên trái (xã Xuân Lộc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường 8/3	Đường tỉnh 766	Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành)	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 8/3 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Bên phải đến hết ranh thửa đất số 525, tờ BĐĐC số 37, Bên trái đến hết ran thửa đất số 567, tờ BĐĐC số 37 (xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường tổ 6-7	Đường tỉnh 766	Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành)	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6-7 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1774, tờ BĐĐC số 39, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường 30/4	Đường tỉnh 766	Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành)	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30/4 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã ba (thửa đất số 1182, tờ BĐĐC số 19, xã Xuân Thành) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường 19/5	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19/5 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 1866, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1588, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường 3/2	Đường tỉnh 766	Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Hết ranh thửa đất số 913, tờ BĐĐC số 12 về bên phải và hết ranh thửa đất số 1856, tờ BĐĐC số 12, về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường tỉnh 766	Giáp nhà thờ Tân Hữu	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Giáp nhà thờ Tân Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành)	Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu	Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Hữu đi Trảng Táo (xã Xuân Thành) đoạn từ Đường hẻm bên hông nhà thờ Tân Hữu đến Hết ranh thửa đất số 57, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 21 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 766	Ngã 3 Ông Sáng Chùa	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 766 đến Ngã 3 Ông Sáng Chùa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Ngã 3 Ông Sáng Chùa	Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Ngã 3 Ông Sáng Chùa đến Đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m đến Qua ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc và đường Xuân Trường - Suối Cao 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
113	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m			1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ giáp ranh xã Xuân Thành đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m và đoạn từ giáp đường trung tâm xã Suối Cao đi cao su đến cách ngã 3 giao đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc với đường Xuân Trường - Suối Cao 250m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường Chà Rang - Xuân Thọ	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chà			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Rang - Xuân Thọ đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Hết ranh thửa đất số 300, tờ BĐĐC số 112 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 130 về bên trái, xã Xuân Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
127	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc	Giáp ranh xã Xuân Lộc	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Trường - Suối Cao đoạn từ Ngã 3 đường vào trại giam Xuân Lộc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su	Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m đến Qua đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
141	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m			1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su đoạn từ giáp đường Xuân Trường - Suối Cao đến cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m và đoạn từ Hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 84 về bên phải và hết ranh thửa đất số 65, tờ BĐĐC số 84 về bên trái đến Cách đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc 250 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
148	Đường Láng Tre - Xuân Thành	Đường Xuân Trường - Suối Cao	Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Tre - Xuân Thành			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Tre - Xuân Thành đoạn từ Đường Xuân Trường - Suối Cao đến Đường trung tâm xã Suối Cao cũ đi cao su có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Gia Tỵ - Suối Cao	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Đường Xuân Trường - Suối Cao	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Gia Tỵ - Suối Cao đoạn từ Đường Xuân Lộc - Long Khánh đến Đường Xuân Trường - Suối Cao có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
162	Đường Xuân Lộc - Long Khánh	Cầu gió bay	Hết ranh xã XuânThành	1,31	1,31	1,31
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Lộc - Long Khánh đoạn từ Cầu gió bay đến Hết ranh xã XuânThành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31

Bảng 27. Xã Xuân Bắc

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 763	Giáp ranh xã Thống Nhất	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1,27	1,27	1,27
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp ranh xã Thống Nhất đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
8	Đường tỉnh 763	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Hết giáo xứ Suối Nho	1,27	1,27	1,27
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Hết giáo xứ Suối Nho có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
15	Đường tỉnh 763	Hết giáo xứ Suối Nho	Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc	1,27	1,27	1,27
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,27	1,27	1,27
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,27	1,27	1,27
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Hết giáo xứ Suối Nho đến Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,27	1,27	1,27
22	Đường tỉnh 763	Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc	Giáp ranh xã Xuân Lộc	1,19	1,19	1,19
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 763 đoạn từ Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
29	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	Đường tỉnh 763	Giáp ranh phường Bảo Vinh	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Long Khánh đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc	Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc)	Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, xã Xuân Bắc) đến Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 800 (thửa đất số 106, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc	Mét thứ 800	Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 3+4 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 800 đến Đường tổ 6 ấp 3B xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145,			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Hết mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc	Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc)	Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 2 ấp 3B xã Xuân Bắc đoạn từ Mét thứ 500 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65, xã Xuân Bắc) đến Hết ranh thửa đất số 226, tờ BĐĐC số 65 về bên phải và hết ranh thửa đất số 236, tờ BĐĐC số 65 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Bắc - Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường vào ấp Bàu Cối	Đường đi vào Nông trường Thọ Vực	Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào ấp Bàu Cối đoạn từ Đường đi vào Nông trường Thọ Vực đến Hết nhà văn hóa ấp Bàu Cối có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường ấp 6 đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường ấp 1 đi Bảo Quang	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang	Giáp ranh phường Bảo Vinh	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 1 đi Bảo Quang đoạn từ Đường Xuân Bắc - Bảo Quang đến Giáp ranh phường Bảo Vinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường cầu Đội 1 ấp 8	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cầu Đội 1 ấp 8 đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường vào đồi đất đỏ	Đường tỉnh 763	Suối Gia Ray	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào đồi đất đỏ đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Suối Gia Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
127	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Đường tỉnh 763	Cầu Suối Tre	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Cầu Suối Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu Suối Tre	Cầu số 2	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu Suối Tre đến Cầu số 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
141	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	Cầu số 2	Giáp ranh xã Suối Cao cũ	1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc đoạn từ Cầu số 2 đến Giáp ranh xã Suối Cao cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
148	Đường SaBi	Đường tỉnh 763	Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường SaBi đoạn từ Đường tỉnh 763 đến Đường Xuân Thành - Suối Cao - Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường vào Thác Trời	Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc	Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái,			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Thác Trời đoạn từ Đường Xuân Thành -Suối Cao - Xuân Bắc đến Hết ranh thửa đất số 12, tờ BĐĐC số 04 về bên phải và hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 04 về bên trái, xã Xuân Bắc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
162	Đường 101	Giáp ranh xã La Ngà	Tu viện Thánh Gioan Granda	1,39	1,39	1,39
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Giáp ranh xã La Ngà đến Tu viện Thánh Gioan Granda có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
169	Đường 101	Tu viện Thánh Gioan Granda	Đường tỉnh 763	1,39	1,39	1,39
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 101 đoạn từ Tu viện Thánh Gioan Granda đến Đường tỉnh 763 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
176	Đường NaGoa	Ngã ba đường 101	Đường vào Thác Trời	1,19	1,19	1,19
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường NaGoa đoạn từ Ngã ba đường 101 đến Đường vào Thác Trời có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19

Bảng 28. Xã Xuân Phú

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú 16	1,35	1,35	1,35
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú 16 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
8	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16	Đường Xuân Phú 16 + 494m	1,35	1,35	1,35
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 đến Đường Xuân Phú 16 + 494m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
15	Quốc lộ 1	Đường Xuân Phú 16 + 494m	Giáp ranh xã Xuân Lộc	1,35	1,35	1,35
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường Xuân Phú 16 + 494m đến Giáp ranh xã Xuân Lộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
22	Đường Bình Hòa - Long Khánh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú			
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Hòa - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 18, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 259, tờ BĐĐC số 24 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
29	Đường Xuân Phú 16	Quốc lộ 1	Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú)	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 16 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáo xứ Bình Hòa (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Trường An	Quốc lộ 1	Suối Gia Mứt	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Mứt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã	Quốc lộ 1	Cầu Bình Hòa	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Phú)					
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Quốc lộ 1 đến Cầu Bình Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú)	Cầu Bình Hòa	Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Làng Dân tộc Chơro ấp Bình Hòa (xã Xuân Phú) đoạn từ Cầu Bình Hòa đến Ranh thửa 176, tờ BĐĐC số 8, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường nội ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 232, tờ BĐĐC số 26 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 34 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường Xuân Phú 29	Quốc lộ 1	Suối Soài	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 29 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Soài có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Quốc lộ 1	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết nghĩa địa ấp Bình Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Hết nghĩa địa ấp Bình Tân	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Hết nghĩa địa ấp Bình Tân đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m .- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Xuân Phú -	Ngã ba Trung tâm cai	Ranh giới xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Tây	nghiện Xuân Phú				
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1 + 500m	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1 + 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã	Quốc lộ 1 + 500m	Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú)	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nội ấp Bình Tân, đường vào Trung tâm Văn hóa xã đoạn từ Quốc lộ 1 + 500m đến Ngã ba Trung tâm cai nghiện Xuân Phú (xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
106	Đường nội ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường Xuân Phú 19	Quốc lộ 1	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú)	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú 19 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 159, tờ BĐĐC số 57, xã Xuân Phú) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường nội ấp Bình Tiến	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Ranh giới xã Suối Cát cũ	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Ranh giới xã Suối Cát cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh	Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú)	Đường tỉnh 765	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường nội ấp Bình Tiến - Lang Minh đoạn từ Đường Bình Tiến, Xuân Phú - Xuân Tây (xã Xuân Phú) đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường tỉnh 765	Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m	1,35	1,35	1,35
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cách đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m đến Qua đoạn từ trung tâm ngã ba Lang Minh 200 m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
141	Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m			1,35	1,35	1,35
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Lang Minh đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m và đoạn từ giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến cách trung tâm ngã ba Lang Minh 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
148	Đường Lang Minh - Suối Đá	Đường tỉnh 765	Xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Suối Đá đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Lang Minh -	Đường tỉnh 765	Xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Đông					
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
162	Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP3 -ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 148, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 149, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
169	Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP5 nối dài -đường vào trụ sở ấp Bình Xuân 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 155, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 158, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
176	Đường XP7, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP7, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 294, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 59 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
183	Đường XP9, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP9, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 132, tờ BĐĐC số 59 về bên phải và hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
190	Đường XP11, ấp Bình Xuân 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP11, ấp Bình Xuân 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 77, tờ BĐĐC số 58 về bên phải và hết ranh thửa đất số 211, tờ BĐĐC số 58 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
197	Đường XP27, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP27, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
204	Đường XP29, ấp Bình Tân	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP29, ấp Bình Tân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 58, tờ BĐĐC số 68 về bên phải và hết ranh thửa đất số 108, tờ BĐĐC số 68 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
211	Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tập Đoàn 14 ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 404, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 248, tờ BĐĐC số 55 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
218	Đường XP39, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP39, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 424, tờ BĐĐC số 55 về bên phải và hết ranh thửa đất số 49, tờ BĐĐC số 64 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
225	Đường XP14, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP14, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 161, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 162, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
232	Đường XP18, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP18, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 01, tờ BĐĐC số 30 về bên phải và hết ranh thửa đất số 395, tờ BĐĐC số 30 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
239	Đường XP20, ấp Bình Hòa	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú	1,39	1,39	1,39
240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường XP20, ấp Bình Hòa đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 28 về bên phải và hết ranh thửa đất số 29, tờ BĐĐC số 46 về bên trái, xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
246	Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ	Đường tỉnh 765	Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái	1,39	1,39	1,39
247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tổ 19 xã Lang Minh cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Thửa đất 260, tờ số 102 về bên phải và thửa đất số 14, tờ 108 xã Xuân Phú về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
253	Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang	Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông	Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc.	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Minh cũ)					
254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lang Minh - Xuân Hiệp (xã Lang Minh cũ) đoạn từ Ngã ba đường Lang Minh - Xuân Đông đến Cầu Sông Ray giáp xã Xuân Lộc. có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 29. Xã Xuân Định

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Quốc lộ 1	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Hết công ty Intimex	1,35	1,35	1,35
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Hết công ty Intimex có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
8	Quốc lộ 1	Hết công ty Intimex	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	1,35	1,35	1,35
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết công ty Intimex đến Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
15	Quốc lộ 1	Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m	Ranh xã Bảo Hòa cũ	1,35	1,35	1,35
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Điểm qua đường vào tu viện Đa Minh 60m đến Ranh xã Bảo Hòa cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
22	Quốc lộ 1	Ranh xã Bảo Hòa cũ	Hết giáo xứ Xuân Bình	1,35	1,35	1,35
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Ranh xã Bảo Hòa cũ đến Hết giáo xứ Xuân Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
29	Quốc lộ 1	Hết giáo xứ Xuân Bình	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	1,35	1,35	1,35
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Hết giáo xứ Xuân Bình đến Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
36	Quốc lộ 1	Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m	Giáp ranh xã Xuân Phú	1,35	1,35	1,35
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Qua UBND xã Bảo Hòa cũ 300m đến Giáp ranh xã Xuân Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
43	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Quốc lộ 1	Đường Tổ 13	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Tổ 13 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần	Đường Tổ 13	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Mả Vôi đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường Tổ 13 đến Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Quốc lộ 1	Suối Cạn	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Cạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường Chiến Thắng đi Nam Hà	Suối Cạn	Đường tỉnh 765B	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng đi Nam Hà đoạn từ Suối Cạn đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định	Ngã ba Xuân Định + 200m	1,31	1,31	1,31
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định đến Ngã ba Xuân Định + 200m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
78	Đường tỉnh 765B	Ngã ba Xuân Định + 200m	Hết nghĩa địa Bảo Thị	1,31	1,31	1,31
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba Xuân Định + 200m đến Hết nghĩa địa Bảo Thị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
85	Đường tỉnh 765B	Hết nghĩa địa Bảo Thị	Cầu Suối Hai	1,31	1,31	1,31
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết nghĩa địa Bảo Thị đến Cầu Suối Hai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
92	Đường tỉnh 765B	Cầu Suối Hai	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	1,33	1,33	1,33
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Cầu Suối Hai đến Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
99	Đường tỉnh 765B	Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m)	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	1,33	1,33	1,33
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trạm xăng dầu Nam Hà (+100 m) đến Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
106	Đường tỉnh 765B	Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m)	Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	1,33	1,33	1,33
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã ba đường Xuân Bảo - Xuân Tây (-300 m) đến Giáp Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
113	Đường tỉnh 765B	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1,33	1,33	1,33
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập Cộng đồng xã Xuân Bảo cũ đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
120	Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định)	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Nam Hà đi ấp Bưng Cần đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (hết ranh thửa đất số 97, tờ BĐĐC số 63, ấp Bưng Cần, xã Xuân Định) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Đường tỉnh 765B	Hết mét thứ 500	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Hết mét thứ 500 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Hết mét thứ 500	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Hết mét thứ 500 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ và phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
141	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Đường tỉnh 765B	Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)	1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m)	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Phân hiệu Trường Tiểu học Mỹ Hạnh (+300 m) đến Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà	Ranh giới xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Ngã ba đường Tân Hạnh đi Nam Hà đến Ranh giới xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
162	Đường Nông Doanh 3	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 76,	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái			
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 3 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 76, tờ BĐĐC số 21 về bên phải và hết ranh thửa đất số 47, tờ BĐĐC số 22 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
169	Đường văn hóa Nông Doanh	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21	1,39	1,39	1,39
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường văn hóa Nông Doanh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 73, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 40, tờ BĐĐC số 21 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
176	Đường Nông Doanh 1	Quốc lộ 1	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái	1,39	1,39	1,39
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 1 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 02 về bên phải và hết ranh thửa đất số 41, tờ BĐĐC số 19 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
183	Đường Nông Doanh 2	Đường văn hóa Nông Doanh	Đường Nông Doanh 1	1,39	1,39	1,39
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nông Doanh 2 đoạn từ Đường văn hóa Nông Doanh đến Đường Nông Doanh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
190	Đường hẻm cầu Gia Trấp	Đường Lê Hồng Phong	Đường Bà Rết	1,39	1,39	1,39
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường hẻm cầu Gia Trấp đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Bà Rết có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
197	Đường Bà Rết	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	1,39	1,39	1,39
198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bà Rết đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
204	Đường Lê Hồng Phong	Quốc lộ 1	Suối Gia Trấp	1,19	1,19	1,19
205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Quốc lộ 1 đến Suối Gia Trấp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
211	Đường Suối Rết B	Quốc lộ 1	Ranh giới phường Hàng Gòn	1,39	1,39	1,39
212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Rết B đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới phường Hàng Gòn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
218	Đường Chiến Thắng - Long Khánh	Quốc lộ 1	Ranh giới thành phố Long Khánh	1,19	1,19	1,19
219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chiến Thắng - Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ranh giới thành phố Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
225	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1	Quốc lộ 1+500m	1,39	1,39	1,39
226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Quốc lộ 1+500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
232	Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh	Quốc lộ 1+500m	Ranh giới phường Long Khánh	1,39	1,39	1,39
233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường đồi đá Bảo Hòa đi Long Khánh đoạn từ Quốc lộ 1+500m đến Ranh giới phường Long Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 30. Xã Cẩm Mỹ

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Cầu Bảo Bình	1,33	1,33	1,33
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Cầu Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
8	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Bảo Bình	Cầu Suối Lức	1,33	1,33	1,33
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Bảo Bình đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
15	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Cầu Suối Lức	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1,33	1,33	1,33
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Cầu Suối Lức đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
22	Đường ấp 9,11	Giáp ranh xã Xuân Đông	Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m)	1,39	1,39	1,39
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000m) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
29	Đường ấp 9,11	Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m)	Đường tỉnh 765B	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11 đoạn từ Cách ngã ba giao với Đường tỉnh 765B (-1000 m) đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Quốc lộ 56	Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Nghĩa địa Lò Than - Bảo Bình đến Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du	Đường tỉnh 765B	1,29	1,29	1,29
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Nguyễn Du đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
57	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường tỉnh 765B	Giáp ranh xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Giáp ranh xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Tân Bình	Đường tỉnh 765	Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Bình đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Cầu số 3 đường Long Giao - Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình	Đường tỉnh 764	Đường Long Giao-Bảo Bình	1,19	1,19	1,19
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ-Bảo Bình đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Long Giao-Bảo Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
85	Đường tỉnh 764	Quốc lộ 56	Hết cây xăng Xuân Mỹ	1,30	1,30	1,30
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết cây xăng Xuân Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
92	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Xuân Mỹ	Ranh giới xã Sông Ray	1,30	1,30	1,30
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Xuân Mỹ đến Ranh giới xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
99	Đường Xuân Mỹ - Cù Bị	Quốc lộ 56	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	1,19	1,19	1,19
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Mỹ - Cù Bị đoạn từ Quốc lộ 56 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
106	Quốc lộ 56	Giáp ranh phường Hàng Gòn	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	1,19	1,19	1,19
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Giáp ranh phường Hàng Gòn đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
113	Quốc lộ 56	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	Đường tỉnh 764	1,19	1,19	1,19
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
120	Quốc lộ 56	Đường tỉnh 764	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	1,19	1,19	1,19
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 56 đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
127	Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Mỹ - Nhân Nghĩa đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Quốc lộ 56	Hết ranh xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Quốc lộ 56 đến Hết ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
141	Hoàn Quân-Xuân Mỹ	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường tỉnh 764	1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hoàn Quân-Xuân Mỹ đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Đường tỉnh 764 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
148	Đường Long Giao - Bảo Bình	Đường Nguyễn Ái Quốc	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Ban Chỉ huy Quân sự huyện Cẩm Mỹ cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Long Giao - Bảo Bình	Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ	Đường tỉnh 765B	1,39	1,39	1,39
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,39	1,39	1,39
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Long Giao - Bảo Bình đoạn từ Ban Chỉ huy Quân sự xã Cẩm Mỹ đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
162	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Bến xe xã Cẩm Mỹ	1,36	1,36	1,36
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Bến xe xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,36	1,36	1,36
169	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Bến xe xã Cẩm Mỹ	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ	1,36	1,36	1,36
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Bến xe xã Cẩm Mỹ đến Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,36	1,36	1,36

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
176	Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ)	Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ	Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân	1,36	1,36	1,36
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc (Quốc lộ 56 cũ) đoạn từ Hết Trung tâm Văn hóa huyện Cẩm Mỹ đến Ngã ba đường vào Nghĩa trang Hoàn Quân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,36	1,36	1,36
183	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Đường Nguyễn Ái Quốc	Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ	1,23	1,23	1,23
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành			1,23	1,23	1,23

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Ái Quốc đến Hết khu Trung tâm hành chính huyện cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,23	1,23	1,23
190	Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ)	Trung tâm hành chính huyện cũ	Giáp ranh giới xã Xuân Đường	1,23	1,23	1,23
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,23	1,23	1,23
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,23	1,23	1,23
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Đường tỉnh 773 cũ) đoạn từ Trung tâm hành chính huyện cũ đến Giáp ranh giới xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,23	1,23	1,23

Bảng 31. Xã Xuân Quế

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Quế	Cầu Quân Y	1,34	1,34	1,34
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Quế đến Cầu Quân Y có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
8	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Cầu Quân Y	Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4	1,34	1,34	1,34
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m.			1,34	1,34	1,34

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Cầu Quân Y đến Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
15	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4	Giáp ranh xã Dầu Giây	1,34	1,34	1,34
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Đường vào Nhà Văn hóa ấp 4 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
22	Đường Trung tâm ấp 1	Đường Sông Nhạn-	Giáp đường cao tốc Phan	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn	Thiết-Dầu Giây			
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đi qua Trường Tiểu học Sông Nhạn đến Giáp đường cao tốc Phan Thiết-Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
29	Đường ấp 4 đi ấp 1	Đường Sông Nhạn-Dầu Giây	Đường Lộ 25-Sông Nhạn	1,19	1,19	1,19
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 1 đoạn từ Đường Sông Nhạn-Dầu Giây đến Đường Lộ 25-Sông Nhạn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
36	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Dầu Giây	1,19	1,19	1,19
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lộ 25 -			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Sông Nhạn đoạn từ Sông Nhạn - Dầu Giây đến Ranh giới xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
43	Đường ấp 4 đi ấp 6	Đường Lộ 25 - Sông Nhạn	Đường tỉnh 773	1,19	1,19	1,19
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 đi ấp 6 đoạn từ Đường Lộ 25 - Sông Nhạn đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,19	1,19	1,19
50	Đường Suối Đục - Cầu Mên	Đường tỉnh 773	Xã Bình An	1,34	1,34	1,34
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Đục - Cầu Mên			1,34	1,34	1,34

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Đục - Cầu Mên đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Xã Bình An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,34	1,34	1,34
57	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	Đoạn từ giáp ranh xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Bình An	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.					
64	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Hết 3.000m	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Hết 3.000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m)	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Đoạn từ đường Sông Nhạn - Dầu Giây (+3.000 m) đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Khu 3 ấp 6 xã Sông Nhạn cũ đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Sông Nhạn cũ đến Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	1,28	1,28	1,28

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Quế				
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,28	1,28	1,28
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,28	1,28	1,28
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,28	1,28	1,28
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,28	1,28	1,28
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,28	1,28	1,28
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Giáp ranh khu tái định cư xã Xuân Quế đến Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,28	1,28	1,28
99	Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn	Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Sông Nhạn đoạn từ Đường Cầu Đỏ - Suối Sâu đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông > 200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 32. Xã Xuân Đường

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp ranh xã Long Thành	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	1,19	1,19	1,19
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Đường Sông Nhạn - Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
8	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường	1,32	1,32	1,32
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đến Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
15	Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ)	Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1,32	1,32	1,32
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 773 (Hương lộ 10 cũ) đoạn từ Giáp khu dân cư hiện hữu ấp 1 xã Xuân Đường đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
22	Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường			1,19	1,19	1,19
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hương lộ 10 xây dựng mới tránh sân bay Long Thành, đoạn thuộc xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
29	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây	Ranh giới xã Xuân Đường	Đường tỉnh 773	1,34	1,34	1,34
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường			1,34	1,34	1,34

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn từ Ranh giới xã Xuân Đường đến Đường tỉnh 773 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
36	Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học	Đường tỉnh 773	Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường	1,22	1,22	1,22
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,22	1,22	1,22
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,22	1,22	1,22
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ			1,22	1,22	1,22

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghệ cao công nghệ Sinh học đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết ranh thửa đất số 30, tờ BĐĐC số 38 về bên trái và hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 37 về bên phải, xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
43	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Đường tỉnh 773	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	1,26	1,26	1,26
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,26	1,26	1,26
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,26	1,26	1,26
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
50	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường	Hết chùa Bảo Minh	1,26	1,26	1,26
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,26	1,26	1,26

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,26	1,26	1,26
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết khu dân cư hiện hữu ấp 3 xã Xuân Đường đến Hết chùa Bảo Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
57	Đường Xuân Đường - Thừa Đức	Hết chùa Bảo Minh	Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20	1,26	1,26	1,26
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,26	1,26	1,26
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,26	1,26	1,26

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,26	1,26	1,26
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đường - Thừa Đức đoạn từ Hết chùa Bảo Minh đến Trường Tiểu học Thừa Đức 1 - phân hiệu Đồi 20 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,26	1,26	1,26
64	Đường vào khu dân cư Suối Quýt	Ngã ba Suối Quýt	Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường	1,19	1,19	1,19
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu dân cư Suối Quýt đoạn từ Ngã ba Suối Quýt đến Hồ Cầu Mới xã Cẩm Đường có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
71	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Đường tỉnh 773	Giáp ranh xã Long Phước	1,19	1,19	1,19
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu -			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đoạn từ Đường tỉnh 773 đến Giáp ranh xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
78	Đường Cầu Mên	Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường	Giáp ranh xã Long Thành	1,19	1,19	1,19
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cẩm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cầu Mên đoạn từ Đường Bàu Cạn - Suối Trầu - Cầm Đường đến Giáp ranh xã Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19

Bảng 33. Xã Sông Ray

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	1,30	1,30	1,30
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
8	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	1,30	1,30	1,30
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
15	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5	1,30	1,30	1,30
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
22	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	1,30	1,30	1,30
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
29	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	1,30	1,30	1,30
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
36	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	1,30	1,30	1,30
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
43	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Đông	Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray	1,32	1,32	1,32
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Đông đến Đường tổ 10 ấp 9 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
50	Đường tỉnh 765	Đường tổ 10 ấp 9	Cầu Suối Thề	1,32	1,32	1,32
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Đường tổ 10 ấp 9 đến Cầu Suối Thề có hiện trạng là đường nhựa, bê			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
57	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Thề	Hết chùa Thiên Ân	1,32	1,32	1,32
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Thề đến Hết chùa Thiên Ân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
64	Đường tỉnh 765	Hết chùa Thiên Ân	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	1,32	1,32	1,32
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết chùa Thiên Ân đến Hết cây xăng Vĩnh Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
71	Đường tỉnh 765	Hết cây xăng Vĩnh Hòa	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	1,19	1,19	1,19
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Hết cây xăng Vĩnh Hòa đến Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
78	Đường tỉnh 765	Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Cầu Gia Hoét	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Ngã ba đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đến Cầu Gia Hoét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Hết ranh giới xã Lâm San cũ	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh giới xã Lâm San cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành	Đường tỉnh 765B	Ngã ba (giáp với đoạn số 1)	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành đoạn từ Đường tỉnh 765B đến Ngã ba (giáp với đoạn số 1) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường tỉnh 765B	Ngã tư Biên Hòa 2	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Ngã tư Biên Hòa 2 đến Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường tỉnh 765B	Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh	Đường tỉnh 765	1,19	1,19	1,19
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B đoạn từ Hết Trường THCS Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
120	Đường ấp 6 - 7 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765B	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 6 - 7 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray	Đường tỉnh 764	Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 1-5-6 xã Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Hết ranh thửa đất số 94, tờ BĐĐC số 15, về bên trái và hết ranh thửa đất số 185, tờ BĐĐC số 15 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 765	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9-ấp 10 Sông Ray đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
141	Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray	1,39	1,39	1,39
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Làng Dân tộc đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 297, tờ BĐĐC số 89 về bên trái và hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 89 về bên phải, xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39

Bảng 34. Xã Xuân Đông

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Xuân Phú	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	1,32	1,32	1,32
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
8	Đường tỉnh 765	Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	1,32	1,32	1,32
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp trạm xăng dầu Đồng Nai đến Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
15	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc)	Cầu Suối Lức	1,32	1,32	1,32
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Sách (gần Trường Nguyễn Bá Ngọc) đến Cầu Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
22	Đường tỉnh 765	Cầu Suối Lức	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Cầu Suối Lức đến Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
29	Đường tỉnh 765	Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	Giáp ranh xã Sông Ray	1,32	1,32	1,32
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đoạn từ Giáp Trường Tiểu học Võ Thị Sáu đến Giáp ranh xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
36	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Đường tỉnh 765	Giáp cây xăng Châu Loan	1,21	1,21	1,21
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,21	1,21	1,21
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,21	1,21	1,21
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp cây xăng Châu Loan có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
43	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Giáp cây xăng Châu Loan	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	1,39	1,39	1,39
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Giáp cây xăng Châu Loan đến Hết Trường Tiểu học Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
50	Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông)	Hết Trường Tiểu học Trần Phú	Giáp ranh xã Xuân Hòa	1,39	1,39	1,39
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 779 (đường Xuân Tâm - Xuân Đông) đoạn từ Hết Trường Tiểu học Trần Phú đến Giáp ranh xã Xuân Hòa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
57	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1500m	1,39	1,39	1,39
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
64	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	Đường tỉnh 765 + 1500m	Ranh giới xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1500m đến Ranh giới xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Láng Me - Cọ Dầu	Đường tỉnh 779	Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Láng Me - Cọ Dầu đoạn từ Đường tỉnh 779 đến Đường tỉnh 765 đi Cọ Dầu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Suối Lức - Rừng Tre	Đường tỉnh 765	Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Suối Lức - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Hết ranh thửa đất số 208, tờ BĐĐC số 41 về bên phải, xã Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường La Hoa - Rừng Tre	Đường tỉnh 764	Đường Suối Lức - Rừng Tre	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường La Hoa - Rừng Tre đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Suối Lức - Rừng Tre có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Phú	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Phú đến Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
99	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Đường ấp 4	1,39	1,39	1,39
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Phú - Xuân Tây đoạn từ Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đến Đường ấp 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
106	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 1.800m	1,39	1,39	1,39
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 1.800m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
113	Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 765 + 1.800m	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 4 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 765 + 1.800m đến Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Chốt Mỹ - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
127	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ	Cầu Xuân Tây	1,29	1,29	1,29
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Giáp Nhà văn hóa ấp 3 xã Xuân Tây cũ đến Cầu Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
141	Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông	Cầu Xuân Tây	Đường tỉnh 765	1,29	1,29	1,29
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nhân Nghĩa - Xuân Đông đoạn từ Cầu Xuân Tây đến Đường tỉnh 765 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
148	Đường Xuân Bảo - Xuân Tây	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Phú - Xuân Tây	1,39	1,39	1,39
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Bảo - Xuân Tây đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Phú - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
155	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765	Đường tỉnh 765 + 2000m	1,19	1,19	1,19
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 đến Đường tỉnh 765 + 2000m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
162	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Đường tỉnh 765 + 2000m	Đường tỉnh 765B	1,39	1,39	1,39
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Xuân Đông - Xuân Tây đoạn từ Đường tỉnh 765 + 2000m đến Đường tỉnh 765B có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
169	Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ	Đường tỉnh 764	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	1,39	1,39	1,39
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 10 - 11 xã Xuân Tây cũ đoạn từ Đường tỉnh 764 đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
176	Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ	Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	1,39	1,39	1,39
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 9,11, xã Xuân Tây - đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình cũ đoạn từ Giáp đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Giáp ranh xã Cẩm Mỹ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
183	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Giáp ranh xã Xuân Định	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	1,33	1,33	1,33
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông -			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Giáp ranh xã Xuân Định đến Đường Xuân Đông - Xuân Tây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
190	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Đường Xuân Đông - Xuân Tây	Hồ Suối Ran	1,39	1,39	1,39
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Đường Xuân Đông - Xuân Tây đến Hồ Suối Ran có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
197	Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San)	Hồ Suối Ran	Ngã tư Biên Hòa 2	1,39	1,39	1,39
198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 765B (đường Xuân Định - Lâm San) đoạn từ Hồ Suối Ran đến Ngã tư Biên Hòa 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
204	Đường tỉnh 764	Giáp ranh xã Cẩm Mỹ	Hết Trại giam Xuyên Mộc	1,30	1,30	1,30
205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Giáp ranh xã Cẩm Mỹ đến Hết Trại giam Xuyên Mộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
211	Đường tỉnh 764	Hết Trại giam Xuyên Mộc	Hết Trường THCS Sông Ray	1,30	1,30	1,30
212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trại giam Xuyên Mộc đến Hết Trường THCS Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
218	Đường tỉnh 764	Hết Trường THCS Sông Ray	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	1,30	1,30	1,30
219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết Trường THCS Sông Ray đến Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
225	Đường tỉnh 764	Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	1,30	1,30	1,30
226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường liên ấp 1 - ấp 5 xã Sông Ray đến Hết cây xăng Nông trường Sông Ray có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
232	Đường tỉnh 764	Hết cây xăng Nông trường Sông Ray	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	1,30	1,30	1,30
233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Hết cây xăng Nông trường Sông Ray đến Đường tỉnh 764 đi Suối Lức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
239	Đường tỉnh 764	Đường tỉnh 764 đi Suối Lức	Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh	1,30	1,30	1,30
240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường			1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 764 đoạn từ Đường tỉnh 764 đi Suối Lức đến Giáp ranh thành phố Hồ Chí Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30

Bảng 35. Phường Trảng Bom

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777)			1,04	1,04	1,04
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường từ 29 tháng 4 (đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường 30 tháng 4 và đoạn từ Đường Trường Trinh đến Đường tỉnh 777) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
8	Đường Trần Phú	Quốc lộ 1	Đường sắt	1,04	1,04	1,04
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc			1,04	1,04	1,04

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
15	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Đường 29 tháng 4	Đường 19 tháng 8	1,19	1,19	1,19
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Đức Cảnh đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 19 tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
22	Đường Lê Hồng Phong	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	1,19	1,19	1,19
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
29	Đường Lê Hồng Phong	Đường 3 tháng 2	Đường 2 tháng 9	1,19	1,19	1,19
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
36	Đường Tạ Uyên	Đường 29 tháng 4	Đường Nguyễn Sơn Hà	1,19	1,19	1,19
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tạ Uyên đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường Nguyễn Sơn Hà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
43	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 29 tháng 4	Đường sắt	1,19	1,19	1,19
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
50	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường An Dương Vương	1,31	1,31	1,31
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
57	Đường 30 tháng 4	Quốc lộ 1	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1,31	1,31	1,31
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
64	Đường Trường Chinh	Quốc lộ 1	Đường 2 tháng 9	1,19	1,19	1,19
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường 2 tháng 9 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
71	Đường Trường Chinh	Đường 2 tháng 9	Đường Cách mạng tháng 8	1,19	1,19	1,19
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Chinh đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
78	Đường Phan Đăng Lưu	Đường 3 tháng 2	Đường Cách mạng tháng 8	1,19	1,19	1,19
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa,			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Đường Cách mạng tháng 8 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
85	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	1,19	1,19	1,19
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
92	Đường Hà Huy Giáp	Đường 29 tháng 4	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom)	1,19	1,19	1,19
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Giáp đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 261 tờ BĐĐC số 30; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 145, tờ BĐĐC số 30 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
99	Đường Dương Bạch Mai	Đường 29 tháng 4	Đường 3 tháng 2	1,19	1,19	1,19
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Bạch Mai đoạn từ Đường 29 tháng 4 đến Đường 3 tháng 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
106	Đường 19 tháng 8	Đường Trần Phú	Đường Lê Hồng Phong	1,19	1,19	1,19
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 8 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
113	Đường Hoàng Tam Kỳ	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Văn Cừ	1,19	1,19	1,19
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Tam Kỳ đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường Nguyễn Văn Cừ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
120	Đường Hoàng Việt	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường 30 tháng 4	1,19	1,19	1,19
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Việt đoạn từ Đường Nguyễn Văn Cừ đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
127	Đường Nguyễn Sơn Hà	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	1,19	1,19	1,19
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Sơn Hà đoạn từ Đường Lê Hồng Phong đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
134	Đường 3 tháng 2	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	1,19	1,19	1,19
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
141	Đường 2 tháng 9	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Lê Hồng Phong	1,19	1,19	1,19
142	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
143	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
144	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
145	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
146	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
147	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 2 tháng 9 đoạn từ Đường Phan Đăng Lưu đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
148	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	1,19	1,19	1,19
149	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
150	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
151	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
152	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
153	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
154	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
155	Đường Cách Mạng Tháng 8	Đường Trương Văn Bang	Đường 30 tháng 4	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
156	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
157	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
158	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
159	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
160	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
161	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Cách Mạng Tháng 8 đoạn từ Đường Trương Văn Bang đến Đường 30 tháng 4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
162	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	1,19	1,19	1,19
163	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
164	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
165	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
166	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
167	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
168	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
169	Đường Đinh Quang Ân	Đường Lê Duẩn	Đường Trương Văn Bang	1,19	1,19	1,19
170	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
171	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
172	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
173	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
174	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
175	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Quang Ân đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường Trương Văn Bang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
176	Đường Nguyễn Văn Huyên	Đường Trường Chinh	Trường Mầm non Tuổi Thơ	1,19	1,19	1,19
177	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
178	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
179	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
180	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
181	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
182	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Huyên đoạn từ Đường Trường Chinh đến Trường Mầm non Tuổi Thơ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
183	Đường Điện Biên Phủ	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	1,19	1,19	1,19
184	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
185	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
186	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
187	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
188	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
189	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Điện Biên Phủ đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
190	Đường Phạm Văn Thuận	Đường 30 tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	1,19	1,19	1,19
191	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
192	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
193	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
194	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
195	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
196	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường 30 tháng 4 đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
197	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Ngô Quyền	Đường Đinh Tiên Hoàng	1,19	1,19	1,19
198	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
199	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
200	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
201	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
202	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
203	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường Đinh Tiên Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
204	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Trụ Sở Hội người mù	Đường Nguyễn Huệ	1,19	1,19	1,19
205	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
206	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
207	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
208	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
209	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
210	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Trụ Sở Hội người mù đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
211	Đường Hưng Đạo Vương	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	1,30	1,30	1,30
212	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,30	1,30	1,30
213	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
214	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
215	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,30	1,30	1,30
216	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
217	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hưng Đạo Vương đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
218	Đường Nguyễn Trãi	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương	1,31	1,31	1,31
219	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
220	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
221	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
222	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,31	1,31	1,31
223	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
224	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Trãi đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
225	Đường Lê Lợi	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	1,36	1,36	1,36
226	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
227	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
228	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
229	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,36	1,36	1,36
230	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,36	1,36	1,36
231	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lợi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,36	1,36	1,36
232	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
233	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
234	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
235	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
236	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
237	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
238	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thường Kiệt đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
239	Đường Trần Nhân Tông	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
240	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
241	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
242	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
243	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
244	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
245	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhân Tông đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
246	Đường Lê Lai	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	1,19	1,19	1,19
247	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
248	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
249	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
250	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
251	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
252	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Lai đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
253	Đường Đinh Tiên Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
254	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
255	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
256	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
257	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
258	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
259	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
260	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Hùng Vương	Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha)	1,19	1,19	1,19
261	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
262	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
263	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
264	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
265	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
266	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường An Dương Vương (hết khu dân cư 4,7 ha) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
267	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường An Dương Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	1,19	1,19	1,19
268	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
269	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
270	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
271	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
272	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
273	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đinh Tiên Hoàng đoạn từ Đường An Dương Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
274	Đường Lê Đại Hành	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Nam Đế	1,19	1,19	1,19
275	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
276	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
277	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
278	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
279	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
280	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Lý Nam Đế có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
281	Đường Lê Đại Hành	Đường An Dương Vương	Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom	1,19	1,19	1,19
282	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
283	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
284	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
285	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
286	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
287	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đại Hành đoạn từ Đường An Dương Vương đến Thửa đất số 376, tờ BĐĐC số 8, xã			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
288	Đường Trần Quang Diệu	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom)	1,19	1,19	1,19
289	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
290	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
291	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
292	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
293	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
294	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Quang Diệu đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 253 tờ BĐĐC số 17; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 13, tờ BĐĐC số 17 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
295	Đường Trần Nguyên Hãn	Quốc lộ 1	Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom	1,19	1,19	1,19
296	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
297	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
298	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
299	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m.- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
300	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
301	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nguyên Hãn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 343, tờ BĐĐC số 18, xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
302	Đường Hùng Vương	Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo	Đường Nguyễn Hoàng	1,33	1,33	1,33
303	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
304	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
305	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
306	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
307	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
308	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Giáp ranh khu công nghiệp Bàu Xéo đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
309	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	Đường Ngô Quyền	1,33	1,33	1,33
310	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
311	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
312	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
313	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
314	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
315	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
316	Đường Hùng Vương	Đường Ngô Quyền	Đường D6	1,33	1,33	1,33
317	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
318	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
319	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
320	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
321	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
322	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường D6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
323	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương)			1,35	1,35	1,35
324	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
325	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
326	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
327	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
328	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
329	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền và đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đường Nguyễn Tri Phương) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
330	Đường tổ 8, ấp 2	Đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Hoàng	1,19	1,19	1,19
331	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
332	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
333	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
334	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
335	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
336	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 8, ấp 2 đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Nguyễn Hoàng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
337	Đường Lê Văn Hưu	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Trần Nguyên Hãn	1,19	1,19	1,19
338	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
339	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
340	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
341	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
342	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
343	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Văn Hưu đoạn từ Đường Bùi Thị Xuân đến Đường Trần Nguyên Hãn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
344	Đường Nguyễn Du	Nguyễn Tri Phương	Nguyễn Văn Linh	1,19	1,19	1,19
345	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
346	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
347	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
348	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
349	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
350	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Du đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
351	Đường Nguyễn Khuyến	Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới	Đường Nguyễn Văn Linh	1,19	1,19	1,19
352	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
353	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
354	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
355	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
356	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
357	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Khuyến đoạn từ Đường ba Đường nhựa mặt tiền chợ mới đến Đường Nguyễn Văn Linh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
358	Đường Phan Chu Trinh	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Hoa Thám	1,19	1,19	1,19
359	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
360	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
361	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
362	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
363	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
364	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Chu Trinh đoạn từ Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường Hoàng Hoa Thám có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
365	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường vào chợ Trảng Bom	1,19	1,19	1,19
366	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
367	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
368	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
369	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
370	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
371	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Bội Châu đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Đường vào chợ Trảng Bom có			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
372	Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ	Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương	Đường vào chợ Trảng Bom	1,19	1,19	1,19
373	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
374	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
375	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
376	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
377	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
378	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Ba Đường song song với Đường Nguyễn Huệ đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh và Đường Nguyễn Tri Phương đến Đường vào chợ Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
379	Đường vào chợ Trảng Bom	Đường Nguyễn Huệ	Đường Phan Chu Trinh	1,19	1,19	1,19
380	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
381	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
382	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
383	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
384	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
385	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào chợ Trảng Bom đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Phan Chu Trinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
386	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
387	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
388	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
389	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
390	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
391	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
392	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Tri Phương đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
393	Nguyễn Hoàng	Quốc lộ 1	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
394	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
395	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
396	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
397	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
398	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
399	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Quốc lộ 1 đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
400	Nguyễn Hoàng	Đường Hùng Vương	Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ)	1,19	1,19	1,19
401	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
402	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
403	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
404	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
405	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
406	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Nguyễn Hoàng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp ranh xã Sông Trầu (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
407	Đường tỉnh 777	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Viễn	1,22	1,22	1,22
408	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
409	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
410	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
411	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,22	1,22	1,22
412	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
413	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
414	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Nguyễn Hoàng	Đầu cầu số 6	1,31	1,31	1,31
415	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
416	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
417	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
418	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
419	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
420	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường Nguyễn Hoàng đến Đầu cầu số 6 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
421	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đầu cầu số 6	Giáp ranh xã Bàu Hàm	1,31	1,31	1,31
422	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
423	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
424	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
425	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
426	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
427	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đầu cầu số 6 đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
428	Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ)	Đường Trảng Bom Thanh Bình	Suối Pét	1,39	1,39	1,39
429	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
430	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
431	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
432	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
433	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
434	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường chợ cây số 9 đi xã Tây Hòa (cũ) đoạn từ Đường Trảng Bom Thanh Bình đến Suối Pét có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
435	Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường công ty gỗ Rừng Thông	1,19	1,19	1,19
436	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
437	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
438	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
439	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
440	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
441	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng Nhà văn hóa ấp 9 đi ấp 10 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường công ty gỗ Rừng Thông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
442	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Trảng Bom Thanh Bình	1,32	1,32	1,32
443	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
444	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
445	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
446	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
447	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
448	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Trảng Bom Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
449	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo)	1,34	1,34	1,34
450	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
451	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
452	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
453	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,34	1,34	1,34
454	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,34	1,34	1,34
455	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu (cũ), bao gồm cả đoạn nối vào khu công nghiệp Bàu Xéo) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,34	1,34	1,34
456	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu)	1,30	1,30	1,30

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
457	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
458	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
459	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
460	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
461	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
462	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vành Đai KCN (xã Sông Trầu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
463	Đường Sông Trầu 3	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	1,19	1,19	1,19
464	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
465	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
466	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
467	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
468	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
469	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
470	Đường Sông Trầu 3	Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88	Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b	1,19	1,19	1,19
471	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
472	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
473	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
474	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
475	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
476	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 3 đoạn từ Hết ranh thửa đất số 1239, tờ BĐ ĐC số 88 đến Đường Trung tâm văn hóa xã Sông Trầu đi ấp 12a, ấp 12b có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
477	Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9	Đường vào công ty gỗ Rừng Thông	Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
			Sông Trầu (cũ))			
478	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
479	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
480	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
481	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
482	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
483	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cổng nhà văn hóa ấp 12a đi ấp 9 đoạn từ Đường vào công ty gỗ Rừng Thông đến Đường cổng Nhà Văn Hóa ấp 4 đi ấp 1 (xã Sông Trầu (cũ)) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
484	Đường Bình Minh - Giang Điền	Đường sắt	Cầu Sông Buông	1,31	1,31	1,31
485	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
486	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
487	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
488	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
489	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
490	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Đường sắt đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
491	Đường Bình Minh - Giang Điền	Ranh giới xã Giang Điền (cũ)	Cầu Sông Buông	1,31	1,31	1,31
492	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
493	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
494	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
495	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
496	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
497	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Ranh giới xã Giang Điền (cũ) đến Cầu Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
498	Đường Bình Minh - Giang Điền	Cầu Sông Buông	Ranh giới xã An Viễn	1,31	1,31	1,31
499	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
500	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
501	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
502	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
503	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
504	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bình Minh - Giang Điền đoạn từ Cầu Sông Buông đến Ranh giới xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
505	Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Bình Minh-Giang Điền	Giáp ranh phường Tam Phước	1,19	1,19	1,19
506	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
507	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
508	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
509	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
510	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
511	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường kết nối khu công nghiệp Giang Điền Đường Võ Nguyên Giáp đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
512	Đường Phước Tân - Giang Điền	Đường Bình Minh- Giang Điền	Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh	1,19	1,19	1,19
513	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
514	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
515	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
516	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
517	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
518	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Phước Tân - Giang Điền đoạn từ Đường Bình Minh- Giang Điền đến Giáp ranh phường Phước Tân và xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
519	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An)	1,39	1,39	1,39
520	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
521	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
522	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
523	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
524	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
525	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba Đường tại thửa đất số 15, tờ BĐĐC số 8, xã Bàu Hàm (giáp ranh với xã Tân An) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
526	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Bàu Hàm	1,39	1,39	1,39
527	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
528	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
529	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
530	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
531	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
532	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
533	Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Cầu 1 tấn	1,23	1,23	1,23
534	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,23	1,23	1,23
535	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
536	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,23	1,23	1,23
537	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,23	1,23	1,23

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
538	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,23	1,23	1,23
539	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Tây Hòa - Sông Trầu đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Cầu 1 tấn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,23	1,23	1,23
540	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã Bình Minh	Đường Trần Phú	1,32	1,32	1,32
541	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
542	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
543	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
544	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
545	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
546	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Giáp ranh xã Bình Minh đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
547	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành)	Đường Trần Phú	Đường tỉnh 777	1,00	1,00	1,00
548	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,00	1,00	1,00
549	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,00	1,00	1,00

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
550	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,00	1,00	1,00
551	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,00	1,00	1,00
552	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,00	1,00	1,00
553	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có Đường song hành) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,00	1,00	1,00
554	Quốc lộ 1	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	1,32	1,32	1,32
555	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
556	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
557	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
558	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
559	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
560	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
561	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	1,30	1,30	1,30
562	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
563	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
564	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
565	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
566	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
567	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
568	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường Trần Phú	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	1,32	1,32	1,32
569	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
570	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
571	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
572	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
573	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
574	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
575	Đường 3 tháng 2 nối dài	Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên	Giáp ranh xã Bình Minh	1,32	1,32	1,32
576	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
577	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
578	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
579	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
580	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
581	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3 tháng 2 nối dài đoạn từ Đường vào Nghĩa trang giáo xứ Quảng Biên đến Giáp ranh xã Bình Minh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
582	Đường liên xã Bắc Sơn -	Ranh giới xã Bình Minh	Hết Công ty Sông	1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Bình Minh - Sông Trầu		Gianh			
583	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
584	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
585	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
586	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
587	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
588	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Ranh giới xã Bình Minh đến Hết Công ty Sông Gianh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
589	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu	Hết Công ty Sông Gianh	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	1,24	1,24	1,24
590	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
591	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
592	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
593	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
594	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
595	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu đoạn từ Hết Công ty Sông Gianh đến Đường Trảng Bom - Thanh Bình có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
596	Đường An Dương Vương	Đường Đinh Tiên Hoàng	Đường Ngô Quyền	1,35	1,35	1,35
597	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
598	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
599	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
600	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
601	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
602	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường An Dương Vương đoạn từ Đường Đinh Tiên Hoàng đến Đường Ngô Quyền có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
603	Đường Bùi Thị Xuân	Quốc lộ 1	Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ)	1,19	1,19	1,19
604	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.					
605	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
606	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
607	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
608	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
609	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Bùi Thị Xuân đoạn từ Quốc lộ 1 đến Thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 17, thị trấn Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
610	Đường Hai Bà Trưng	Đường Ngô Quyền	Đường An Dương Vương	1,35	1,35	1,35
611	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35
612	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
613	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
614	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,35	1,35	1,35

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
615	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
616	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Hai Bà Trưng đoạn từ Đường Ngô Quyền đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
617	Đường Lý Nam Đế	Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ)	Đường An Dương Vương	1,33	1,33	1,33
618	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
619	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
620	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
621	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
622	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
623	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Nam Đế đoạn từ Tờ 9 thửa 92 thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
624	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hai Bà Trưng	1,19	1,19	1,19
625	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
626	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
627	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
628	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
629	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
630	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường Nguyễn Huệ đến Đường Hai Bà Trưng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
631	Đường Ngô Quyền	Nguyễn Hữu Cảnh	Đường An Dương Vương	1,33	1,33	1,33
632	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
633	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
634	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
635	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,33	1,33	1,33
636	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m.			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
637	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Quyền đoạn từ Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường An Dương Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
638	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
639	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
640	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
641	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
642	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
643	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
644	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Linh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
645	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hùng Vương	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom)	1,19	1,19	1,19
646	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
647	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
648	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
649	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
650	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
651	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nhật Duật đoạn từ Đường Hùng Vương đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 562 tờ BĐĐC số 15; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 352, tờ BĐĐC số 15 (xã Trảng Bom) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
652	Đường Trương Văn Bang	Đường 2 tháng 9	Giáp ranh xã An Viễn	1,19	1,19	1,19
653	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
654	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
655	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
656	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
657	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
658	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 2 tháng 9 đến Giáp ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
659	Đường Trương Văn Bang	Đường 3 tháng 2	Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ)	1,19	1,19	1,19
660	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
661	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
662	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
663	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
664	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
665	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Văn Bang đoạn từ Đường 3 tháng 2 đến Trung tâm y tế huyện Trảng Bom (cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
666	Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai	1,19	1,19	1,19
667	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
668	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
669	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
670	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
671	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
672	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường cạnh Trường Mẫu giáo Hoa Mai đoạn từ Đường Nguyễn Văn Linh đến Hết Trường Mẫu giáo Hoa Mai có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
673	Đường Lê Quý Đôn	Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ)	Đường Trương Định	1,04	1,04	1,04
674	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
675	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
676	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
677	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
678	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m.			1,04	1,04	1,04

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
679	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Quý Đôn đoạn từ Đầu tờ 31 thửa 81, thị trấn Trảng Bom (cũ) đến Đường Trương Định có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
680	Đường Trương Định	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Huệ	1,04	1,04	1,04
681	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
682	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
683	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
684	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,04	1,04	1,04
685	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,04	1,04	1,04
686	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trương Định đoạn từ Đường Lê Quý Đôn đến Đường Nguyễn Huệ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,04	1,04	1,04
687	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Trần Phú	Đường Lê Duẩn	1,19	1,19	1,19
688	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
689	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
690	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
691	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			1,19	1,19	1,19
692	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
693	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Lê Duẩn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
694	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	1,39	1,39	1,39
695	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
696	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
697	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
698	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
699	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
700	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
701	Đường Sông Trầu 17	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân	1,39	1,39	1,39
702	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
703	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
704	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
705	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
706	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
707	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu 17 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Vĩnh Tân và đến đường Sông Trầu - Cây Gáo - Vĩnh Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
708	Đường số 20	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	1,39	1,39	1,39
709	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
710	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
711	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
712	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
713	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
714	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường số 20 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Hưng Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
715	Đường Trần Quang Khải	Đường Nguyễn Huệ	Đường Hùng Vương	1,19	1,19	1,19
716	Đường song song với Đường Phan Chu Trinh (đi qua chợ)	Đường Nguyễn Tri Phương	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	1,19	1,19	1,19
717	Ba Đường nhựa mặt tiền chợ Mới	- Đường Hùng Vương - Đường Nguyễn Tri Phương	- Đường Phan Chu Trinh - Đường Hoàng Hoa Thám	1,19	1,19	1,19
718	Đường Đặng Đức Thuật	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lai	1,19	1,19	1,19
719	Đường Hoàng Hoa Thám	Đường Phan Bội Châu	Đường Nguyễn Du	1,19	1,19	1,19

Bảng 36. Xã An Viễn

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường Vườn Ngô	Đường sắt	1,29	1,29	1,29
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường Vườn Ngô đến Đường sắt có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường sắt	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	1,29	1,29	1,29
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Đường sắt đến Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
15	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh	Sông Buông	1,29	1,29	1,29
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Hết khu dân cư Tân Hưng và Tân Thịnh đến Sông Buông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
22	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Sông Buông	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	1,29	1,29	1,29
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Sông Buông đến Ngã ba cây xăng Xuân Dũng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
29	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ngã ba cây xăng Xuân Dũng	Giáp ranh phường Tam Phước	1,29	1,29	1,29
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,29	1,29	1,29
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,29	1,29	1,29

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,29	1,29	1,29
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đoạn từ Ngã ba cây xăng Xuân Dũng đến Giáp ranh phường Tam Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,29	1,29	1,29
36	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền	Đường tỉnh 777	Giáp ranh xã Trảng Bom	1,35	1,35	1,35
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu công nghiệp Giang Điền đoạn từ Đường tỉnh 777 đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
43	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m		1,19	1,19	1,19
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường vào khu công nghiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
50	Đường ấp 5 - ấp 6	Đường Mai Chí Thọ	Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m	1,25	1,25	1,25
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,25	1,25	1,25
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,25	1,25	1,25
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,25	1,25	1,25
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 -			1,25	1,25	1,25

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,25	1,25	1,25
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 5 - ấp 6 đoạn từ Đường Mai Chí Thọ đến Giáp sông Buông trừ đoạn từ đường vào khu công ngiệp Giang Điền về hai phía 500m có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,25	1,25	1,25
57	Đường liên ấp 2-3-4	Đường ấp 2	Hết ranh xã An Viễn	1,22	1,22	1,22
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,22	1,22	1,22
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,22	1,22	1,22
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,22	1,22	1,22
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp 2-3-4 đoạn từ Đường ấp 2 đến Hết ranh xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,22	1,22	1,22
64	Đường ấp 2	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom -	Đường liên ấp 2-3-4	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Long Thành)				
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành) đến Đường liên ấp 2-3-4 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
71	Đường ấp 2	Đường liên ấp 2-3-4	Đường lô cao su xã An Viễn	1,19	1,19	1,19
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là			1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 2 đoạn từ Đường liên ấp 2-3-4 đến Đường lô cao su xã An Viễn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
78	Đường Lê Duẩn	Quốc lộ 1	Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31	1,33	1,33	1,33
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,33	1,33	1,33
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,33	1,33	1,33
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,33	1,33	1,33
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Duẩn đoạn từ Quốc lộ 1 đến Bên phải, đến hết ranh thửa đất số 189 tờ BĐĐC số 31; Bên trái, đến hết ranh thửa đất số 784, tờ BĐĐC số 31 có hiện trạng là			1,33	1,33	1,33

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
85	Đường Vườn Ngô	Đường Lê Duẩn	Đường tỉnh 777	1,30	1,30	1,30
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,30	1,30	1,30
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,30	1,30	1,30
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vườn Ngô đoạn từ Đường Lê Duẩn đến Đường tỉnh 777 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,30	1,30	1,30
92	Quốc lộ 1	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Giáp ranh xã Trảng Bom	1,32	1,32	1,32
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,32	1,32	1,32

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,32	1,32	1,32
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,32	1,32	1,32
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Quốc lộ 1 đoạn từ Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đến Giáp ranh xã Trảng Bom có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,32	1,32	1,32
99	Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo	Quốc lộ 1	Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn)	1,35	1,35	1,35
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,35	1,35	1,35
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,35	1,35	1,35
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường bao khu công nghiệp Bàu Xéo đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba (thửa đất số 716, tờ BĐĐC số 11, xã An Viễn) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,35	1,35	1,35
106	Đường số 10	Đường tỉnh 777	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết	1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		(đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 1183, tờ BĐĐC số 4	ranh thửa đất số 2327, tờ BĐĐC số 4)			
107	Đường số 8	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), trạm y tế	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 4654, tờ BĐĐC số 3)	1,19	1,19	1,19
108	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	1,19	1,19	1,19
109	Đường từ ấp 3 - ấp 6	Ranh thửa đất số 6596, tờ BĐĐC số 3	Đường ấp 5 - ấp 6 (hết ranh thửa đất số 6747, tờ BĐĐC số 3)	1,19	1,19	1,19
110	Đường Cổng chào ấp 4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành)	Đường liên ấp 2-3-4 (hết ranh thửa đất số 4901, tờ BĐĐC số 5)	1,19	1,19	1,19
111	Đường Mai Chí Thọ	Thửa đất số 2416 và 421 tở bản đồ số 5	Giáp ranh phường Tam Phước	1,19	1,19	1,19
112	Đường nối từ đường tỉnh 777 đến đường liên ấp 2-3-4	Đường tỉnh 777 (đường Trảng Bom - Long Thành), thửa đất số 3, tờ BĐĐC số 6	Thửa đất số 4318 tở BĐĐC số 5	1,19	1,19	1,19

Bảng 37. Xã Bàu Hàm

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Trảng Bom	Đường vào Công ty Đông Nhi	1,31	1,31	1,31
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Giáp ranh xã Trảng Bom đến Đường vào Công ty Đông Nhi có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
8	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường vào Công ty Đông Nhi	Ngã tư Tân Lập	1,31	1,31	1,31
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường vào Công ty Đông Nhi đến Ngã tư Tân Lập có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
15	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã tư Tân Lập	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	1,31	1,31	1,31
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Ngã tư Tân Lập đến Đường liên ấp Lợi Hà - Tân			1,31	1,31	1,31

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
22	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24	Hồ Trị An	1,31	1,31	1,31
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,31	1,31	1,31
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,31	1,31	1,31
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trảng Bom - Thanh Bình đoạn từ Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành, từ đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 đến Hồ Trị An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,31	1,31	1,31
29	Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An	1,39	1,39	1,39
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Vĩnh Tân - Cây Điệp đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Ngã ba đường giáp ranh với xã Tân An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
36	Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2	Quốc lộ 1	Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu	1,39	1,39	1,39
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tổ 1 ấp Tân Lập 2 đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ngã ba đường giáp ranh với huyện Vĩnh Cửu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
43	Đường tỉnh 762	Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km		1,19	1,19	1,19
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
50	Đường tỉnh 762	Các đoạn còn lại của Đường tỉnh 762, từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Trị An) đến giáp ranh xã Trị An và từ qua ngã tư Tân Lập 0,5km (hướng xã Thống Nhất) đến giáp ranh xã Thống Nhất		1,19	1,19	1,19

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
51	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
52	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
53	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
54	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,19	1,19	1,19
55	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,19	1,19	1,19
56	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường tỉnh 762 Các đoạn từ ngã tư Tân Lập đi về các hướng (xã Thống Nhất và xã Trị An) 0,5km có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,19	1,19	1,19
57	Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1,21	1,21	1,21
58	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,21	1,21	1,21
59	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
60	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
61	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,21	1,21	1,21

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
62	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,21	1,21	1,21
63	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường liên ấp Lợi Hà - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,21	1,21	1,21
64	Hương lộ 24	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu)	1,39	1,39	1,39
65	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
66	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
67	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
68	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
69	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
70	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 24 đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường tỉnh 762 (Trị An - Sóc Lu) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
71	Đường Trường An - Tân Thành	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1,39	1,39	1,39
72	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.					
73	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
74	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
75	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
76	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
77	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường An - Tân Thành đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
78	Đường Tân Thành - Trường An	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Hương lộ 24	1,39	1,39	1,39
79	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
80	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
81	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
82	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
83	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
84	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Tân Thành - Trường An đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Hương lộ 24 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
85	Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Thống Nhất	1,39	1,39	1,39
86	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
87	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
88	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
89	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
90	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
91	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Đức Huy - Thanh Bình - Dốc Mơ đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Thống Nhất có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
92	Đường 3/2	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	1,39	1,39	1,39
93	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
94	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
95	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
96	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
97	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
98	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 3/2 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
99	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Giáp ranh xã Hưng Thịnh	Đường 19 tháng 5	1,24	1,24	1,24
100	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
101	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
102	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
103	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
104	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
105	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Giáp ranh xã Hưng Thịnh đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
106	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường 19 tháng 5	Giáp ranh xã Dầu Giây	1,24	1,24	1,24
107	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
108	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
109	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
110	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,24	1,24	1,24
111	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,24	1,24	1,24
112	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Thao - Bàu Hàm đoạn từ Đường 19 tháng 5 đến Giáp ranh xã Dầu Giây có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,24	1,24	1,24
113	Đường 19 tháng 5	Đường tỉnh 762	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	1,39	1,39	1,39
114	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
115	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
116	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
117	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
118	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
119	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 19 tháng 5 đoạn từ Đường tỉnh 762 đến Đường Sông Thao - Bàu Hàm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
120	Đường 30 tháng 4	Đường Sông Thao - Bàu Hàm	Đường tỉnh 762	1,39	1,39	1,39
121	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
122	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
123	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
124	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
125	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
126	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường 30 tháng 4 đoạn từ Đường Sông Thao - Bàu Hàm đến Đường tỉnh 762 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
127	Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Giáp ranh xã Gia Kiệm	1,39	1,39	1,39
128	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
129	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
130	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
131	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
132	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
133	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu di tích lịch sử căn cứ Tỉnh ủy Biên Hòa đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Giáp ranh xã Gia Kiệm có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39
134	Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao	Đường Trảng Bom - Thanh Bình	Đường 19 tháng 5	1,39	1,39	1,39
135	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
136	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
137	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1,39	1,39	1,39

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất ở	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất thương mại dịch vụ	Hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
138	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			1,39	1,39	1,39
139	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1,39	1,39	1,39
140	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra Đường Sông Trầu - Cây Gáo - Sông Thao đoạn từ Đường Trảng Bom - Thanh Bình đến Đường 19 tháng 5 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1,39	1,39	1,39